

OC

5

CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH PHƯỚC

LỊCH SỬ

BÌNH PHƯỚC KHÁNG CHIẾN

(1945 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

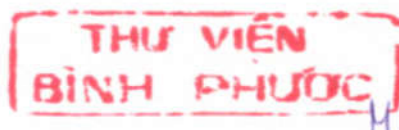
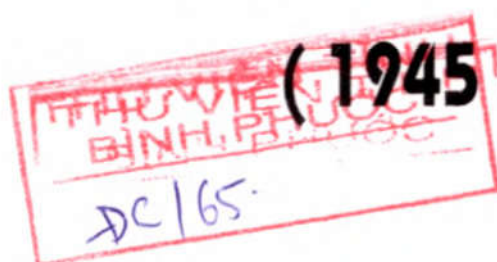
LỊCH SỬ
BÌNH PHƯỚC KHÁNG CHIẾN
(1945 - 1975)

Mã số: 3 K1(V31 4)
CTQG-2002

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH PHƯỚC

LỊCH SỬ BÌNH PHƯỚC KHÁNG CHIẾN

(1945 - 1975)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2002

Chỉ đạo nội dung:

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Tổ chức thực hiện:

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Biên soạn:

TS. *Thượng tá* HỒ SƠN ĐÀI (*Chủ biên, Kết luận*)

Cử nhân ĐOÀN TẤN DŨNG (*Mở đầu, các Chương bảy, tám*)

Thạc sĩ NGUYỄN THU VÂN (*Các Chương một, hai, ba*)

Đại tá TRẦN PHẤN CHẤN (*Các Chương bốn, năm, sáu*)

Tư liệu:

Thiếu tá TRƯƠNG VĂN GIÃ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong 30 năm kháng chiến đánh đuổi hai kẻ thù xâm lược lớn là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân và dân Bình Phước đã kế tiếp truyền thống yêu nước của các thế hệ trước, lập nên bao sự tích hào hùng mà mỗi thắng lợi trong đấu tranh và xây dựng đều gắn liền máu xương với những tên đất, tên người của quê hương yêu dấu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trực tiếp là Đảng bộ Bình Phước, quân và dân các dân tộc trên địa bàn này đã cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945; và ngay sau đó bắt tay vào xây dựng và bảo vệ chính quyền non trẻ; cùng cả nước tiến hành hai cuộc kháng chiến oanh liệt, giải phóng Tổ quốc, giải phóng quê hương.

Để ghi lại những chặng đường vẻ vang của Đảng bộ, của quân và dân các dân tộc ở Bình Phước; tổng kết những bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, biểu dương những tấm gương tiêu biểu của đồng bào và chiến sĩ trong chiến đấu và xây dựng (từ năm 1945 đến năm 1975); Nhà xuất bản Chính trị quốc gia giới thiệu cuốn sách: ***Lịch sử Bình Phước kháng chiến (1945 - 1975)*** do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước tổ chức biên soạn, dưới sự chỉ đạo nội dung của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước.

Cuốn sách là một tài liệu quý, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, nhất là đối với thế hệ trẻ, nâng cao lòng tự hào

về quê hương đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, và chính quyền các cấp; tăng cường đoàn kết các dân tộc không ngừng phấn đấu vươn lên hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2002

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



Bác Hồ chăm sóc mầm non dân tộc. Trong đoàn thiếu nhi miền
Nam có Hồ Văn Mên (dấu x) dũng sỹ diệt Mỹ quê sông Bé
(Năm 1969)

MỞ ĐẦU

ĐẤT VÀ NGƯỜI BÌNH PHƯỚC, TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CHỐNG XÂM LƯỢC TỪ GIỮA THẾ KỶ IX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I. BÌNH PHƯỚC - VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI

Tỉnh Bình Phước nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ, nối liền với nam Tây Nguyên và là phần cuối của dãy Trường Sơn, đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai, tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia, nam giáp tỉnh Bình Dương, bắc giáp tỉnh Đắk Lắk và Campuchia. Tỉnh có đường biên giới dài 240 kilômét, nằm trên 12 xã của huyện Lộc Ninh và huyện Phước Long.

Bình Phước là vùng trung du miền núi phía bắc của tỉnh Sông Bé cũ, gồm 5 huyện, 1 thị xã: Bình Long, Phước Long, Lộc Ninh, Đồng Phú, Bù Đăng và thị xã Đồng Xoài với tổng diện tích tự nhiên 6.853,93 km².

Dưới triều Nguyễn, Bình Phước là vùng đất thuộc trấn Biên Hòa. Đến giữa thế kỷ thứ XIX, sau khi thực dân Pháp đánh chiếm và đặt nền cai trị tại sáu tỉnh Nam Kỳ, chúng chia Nam Kỳ thành bốn khu vực hành chính lớn:

Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát Xắc. Bình Phước thuộc khu vực Sài Gòn, trong đó vùng đất phía Đông thuộc tiểu khu Biên Hòa, vùng đất phía Tây Nam và phía Nam thuộc tiểu khu Thủ Dầu Một. Năm 1889, thực dân Pháp đổi các tiểu khu thành tỉnh thì Bình Phước thuộc địa phận phía bắc tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một. Sau năm 1954, do ý đồ cai trị của thực dân Pháp, Bình Phước lại bị chia cắt, sáp nhập nhiều lần. Đến cuối năm 1972, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Bình Phước bao gồm 2 tỉnh Bình Long và Phước Long. Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi, do yêu cầu phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội và an ninh, quốc phòng, ngày 02 tháng 07 năm 1976, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định sáp nhập các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và 3 xã An Bình, Bình An, Đông Hòa (thuộc huyện Thủ Đức) thành tỉnh Sông Bé. Ngày 1 tháng 1 năm 1997 tỉnh Bình Phước được tái lập bao gồm 5 huyện phía bắc thuộc tỉnh Sông Bé cũ, tỉnh lỵ đặt tại Đồng Xoài. Ngày 1 tháng 9 năm 1999, Chính phủ ban hành Nghị định 90/1999/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Đồng Xoài. Ngày 1 tháng 1 năm 2000, thị xã Đồng Xoài chính thức đi vào hoạt động.

*

* *

Bình Phước là địa bàn chuyển tiếp từ cao nguyên xuống đồng bằng. Trong chiến tranh giải phóng, Bình Phước là cửa ngõ, bàn đạp tiến công Sài Gòn từ phía bắc, là đoạn cuối đường mòn Hồ Chí Minh - nơi trực tiếp tiếp

nhận sức người, sức của từ hậu phương lớn đối với chiến trường Nam Bộ. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Bình Phước là nơi án ngữ bảo vệ thành phố Hồ Chí Minh. Từ những nét đặc thù về vị trí địa lý đã khẳng định Bình Phước là một địa bàn chiến lược quan trọng về quân sự, kinh tế và văn hóa - xã hội trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Về địa lý, do chịu sự tác động của những biến thiên về địa chất, Bình Phước mang dáng dấp cao nguyên có diện tích khoảng 1100 héc ta chủ yếu là rừng tự nhiên; quanh sườn núi có nhiều hang động, dòng sông Bé ẩn hiện lượn quanh tạo nên những thác nước hùng vĩ, thơ mộng như Thác Mệ, Thác Mơ... Ngay sát thị trấn Thác Mơ (huyện Phước Long) nổi lên núi Bà Rá cao 723 mét, là một trong ba ngọn núi cao nhất miền Đông Nam Bộ. Trong đấu tranh cách mạng, núi Bà Rá chiếm vị trí quân sự quan trọng đối với vùng và khu vực. Thời Mỹ - ngụy, nơi đây địch xây dựng một trung tâm truyền tin và bố trí lực lượng khá đông, có lúc gần 1 tiểu đoàn với hỏa lực mạnh. Dưới chân núi chúng dựng trại giam để cầm giữ những chiến sĩ cách mạng. Trong chiến tranh chống Mỹ, lợi dụng địa thế hiểm trở núi cao, rừng rậm, hang động và thác ghềnh, các chiến sĩ cách mạng đã dựa vào đây để chống lại nhiều cuộc càn quét của quân thù. Núi Bà Rá trở thành một trong những căn cứ địa của Bình Phước.

Do khí hậu nhiệt đới ẩm và đất đai màu mỡ nên rừng ở Bình Phước bạt ngàn, với nhiều loại gỗ quý như gỗ đỏ, cẩm lai, giáng hương, tếch, vên vên, bằng lăng, sao, dầu... Rừng ở Bình Phước có vai trò quan trọng

trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, điều hòa dòng chảy của các con sông lớn như sông Bé, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai. Trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, rừng ở Bình Phước có giá trị lớn về quân sự. “Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”. Những cánh rừng bạt ngàn đã cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men cho bộ đội và đồng bào những lúc khó khăn để đánh giặc. Đất rừng còn là nơi lý tưởng cho chiến tranh du kích phát triển. Rừng trên địa hình trung bình là địa bàn hoạt động, tác chiến thuận lợi của bộ đội chủ lực.

Một đặc điểm riêng có ở nơi đây là những di tích lịch sử. Căn cứ đầu tiên của Trung ương Cục miền Nam; Thủ phủ của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Lộc Ninh, nơi thường xuyên đón tiếp các phái đoàn Ba Lan, Hunggari, Ấnô-nê-xia, Canada trong Ủy ban quốc tế kiểm soát việc thi hành Hiệp định Pari; Căn cứ của Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền đặt tại Tà Thiết xã Lộc Thành (Lộc Ninh), mà ngày 14-1-1975 đã nhận được điện của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn với nội dung: “Đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh”; Sân bay Phước Long, nơi Nguyễn Thành Trung¹, sau khi ném hai quả bom trúng dinh Độc lập, sào huyệt cuối cùng của Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã cho máy bay hạ cánh an toàn.

Với hệ thống sông suối tương đối nhiều, mật độ 0,7 - 0,8 km/km², Bình Phước có ba con sông lớn: Sông Bé,

1. Anh hùng quân đội (T.G).

sông Sài Gòn và sông Đồng Nai. Sông Bé dài 360 kilômét, là phụ lưu của hệ thống sông Đồng Nai, bắt nguồn từ vùng đồi núi tỉnh Đắc Lắc chảy uốn khúc theo chiều dài của tỉnh. Lòng sông hẹp, có nhiều thác như Thác Mơ, Thác Mạ.; mùa mưa nước chảy mạnh, mùa khô nước cạn. Sông Bé rất thuận lợi cho bộ đội hành quân sang sông vào mùa khô nhưng rất khó khăn cho bộ đội vào mùa mưa. Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (Lâm Đồng) dài 635 kilômét, nhưng chỉ chảy qua lãnh thổ Bình Phước đoạn Bù Đăng. Sông Đồng Nai có giá trị cung cấp thủy sản và nguồn nước cho một bộ phận dân cư ở Phước Long. Sông Sài Gòn dài 250 kilômét, bắt nguồn từ vùng đồi cao huyện Lộc Ninh chảy giữa hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh. Ở thượng lưu, sông hẹp và uốn khúc quanh co. Sông Thị Tính là phụ lưu của sông Sài Gòn bắt nguồn từ đồi Cam Xe, huyện Bình Long chảy qua Bến Cát rồi đổ vào sông Sài Gòn. Ngoài các con sông trên, trong tỉnh còn có suối Cần Lê, suối Cam (Bình Long), suối Nước Trong, suối Giai, suối Rạt, sông Mã Đà (Đồng Phú) nước chảy quanh năm tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp và góp phần cung cấp nước sinh hoạt cho bộ đội và nhân dân.

Bình Phước ở vị trí tiếp giáp giữa đồng bằng và cao nguyên, địa hình thấp dần từ Đông Bắc (giáp Tây Nguyên) xuống Tây Nam (tức là xuống các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, biên giới Campuchia). Độ dốc địa hình phụ thuộc cấu tạo địa chất. Trên nền đất phù sa cổ và bazan thường có địa hình bằng phẳng hơn trên nền đá

trầm tích; nhưng nói chung độ dốc địa hình toàn vùng thấp, thuận lợi cho việc trồng trọt và chăn nuôi. Tỉnh Bình Phước có 7 nhóm đất¹ trong đó đất đỏ vàng và đất đỏ bazan chiếm diện tích lớn, thích hợp với cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, hồ tiêu, điều. Trong lòng đất có các loại khoáng sản chính có giá trị kinh tế như đá vôi ở Tà Thiết (Lộc Ninh), với trữ lượng khoảng 360 triệu tấn, chất lượng đảm bảo để sản xuất xi măng; đá xây dựng trữ lượng trên 1 tỷ mét khối, một số nhỏ có chất lượng tốt có thể làm đá ốp lát như ở Núi Cẩm (Lộc Hưng - Lộc Ninh), Bà Rá (Phước Long). Ngoài ra vùng quặng Bôxít, nổi dài từ Gia Nghĩa (Đắk Lắk) xuống tới núi Bà Rá, trữ lượng trên 1 tỷ tấn.

Nằm giữa các tỉnh đồng bằng và Tây Nguyên giáp với Campuchia là các trục đường giao thông có ý nghĩa chiến lược về quân sự và kinh tế như quốc lộ 14 có chiều dài đi ngang qua tỉnh là 110 kilômét, quốc lộ 13 - con đường chiến lược cực kỳ quan trọng nối thành phố Hồ Chí Minh và cửa khẩu Hoa Lư (Lộc Ninh) với 75 kilômét qua tỉnh, đi Campuchia đến biên giới Thái Lan. Thời Mỹ-ngụy, địch triệt để khai thác con đường này để hành quân cơ động lực lượng, đánh phá vùng căn cứ của ta, bảo vệ sào huyệt của chúng ở Sài Gòn. Nhưng với cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ của quân dân Bình Phước, đường 13 trở thành "con đường không vui" đối với thực dân Pháp và "con đường đầy máu và nước mắt" đối với quân Mỹ, ngụy.

1. Đất xám, đất đen, đất phù sa, đất phèn, đất đỏ vàng, đất dốc tụ, đất xói mòn trơ sỏi đá (T.G).

Đường ĐT741 là trục đường quan trọng nối Đồng Phú và xã Phước Long với chiều dài là 120 kilômét thuận lợi trong việc vận chuyển hàng hóa, phục vụ tốt cho quân sự. Các địa bàn dân cư trong tỉnh đều có những trục đường ngắn nối liền với ba trục đường nêu trên.

Trong thời kỳ xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp xây dựng đoạn đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh dài 141 kilômét, nhằm vận chuyển hàng hóa phục vụ cho công cuộc khai thác tài nguyên và vét cao su. Con đường này đã bị phá hủy trong kháng chiến chống Pháp.

Bình Phước nằm trong vùng mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo gió mùa, có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm 85-90% lượng mưa cả năm. Hầu như không có bão, đôi lúc cũng xảy ra cơn lốc. Gió đông chuyển dần sang tây nam, tốc độ bình quân 3,2 m/s. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, lượng mưa chỉ chiếm 10-15% tổng lượng mưa cả năm, tháng có ít mưa nhất là tháng 2, tháng 3. Gió đông chuyển dần sang đông bắc, tốc độ bình quân 3,5 m/s. Nhiệt độ bình quân thấp nhất 21,5 - 22°C. Nhiệt độ bình quân cao nhất 31,7 - 32,2°C. Sự thay đổi nhiệt độ qua các tháng không lớn song sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm khá lớn, khoảng 7 - 9°C nhất là vào các tháng mùa khô. Bình Phước nằm trong vùng dồi dào nắng, tổng số giờ nắng trong năm trung bình từ 2400 - 2500 giờ. Lượng mưa hàng năm biến động từ 2045 - 2325 mm. Độ ẩm trung bình năm từ 80,8 - 81,4%. Khí hậu Bình Phước có nhiều thuận lợi cơ bản là vùng đất mưa nắng thuận hòa. Nếu nắm vững đặc điểm và quy luật diễn biến của nó,

các lực lượng vũ trang sẽ tạo được nhiều thuận lợi trong hoạt động, tác chiến và dự đoán trước, khắc phục được khó khăn do thời tiết, khí hậu gây ra.

*

* *

Về dân cư, Bình Phước có nhiều đặc điểm so với các tỉnh Nam Bộ với nhiều dân tộc anh em sinh sống rải rác theo từng buôn sóc. Chủ nhân đầu tiên của vùng đất này là cư dân thuộc các dân tộc ít người Stiêng, Châu Ro, Châu Mạ, Mơnông... Họ sống du canh, du cư và phương thức sinh sống chủ yếu là săn bắt, hái lượm, làm nương, tủa lúa với năng suất rất thấp. Sang đầu thế kỷ thứ XVII, vùng đất này có thêm những cư dân mới. Bao gồm những người vì không chịu nổi sự áp bức bóc lột của chế độ phong kiến Trịnh Nguyễn, cũng như cảnh sống cơ cực, lầm than nên phải rời bỏ quê hương vào đây lập nghiệp, lại có những người "mắc tội chống lại triều đình" mà phải bị lưu đày đến đây, có những người vì trốn sưu thuế, binh dịch tìm chốn nương thân. Thời gian này cũng có một số người Hoa bắt đầu nhập cư vào Bình Phước.

Đến thế kỷ XIX, người Kinh từ các nơi lên khai hoang vùng đất Bình Phước. Sự giao lưu về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc càng được đẩy mạnh.

Phải nói rằng, ngay từ khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp nhận thấy ngay những điều kiện khí hậu nhiệt đới và chất đất đỏ, đất xám của miền Đông Nam Bộ (chủ yếu trên địa bàn Sông Bé cũ) thích hợp với cây cao su. Chúng đã trồng thử nghiệm thành công và từ đó lập một số công ty để chuẩn bị khai thác đồn điền cao su trên vùng đất

này. Cùng với sự ra đời của ngành khai thác cao su, đội ngũ công nhân cao su cũng bắt đầu xuất hiện. Lúc đầu do quy mô khai thác còn nhỏ bé, các chủ tư bản đồn điền tuyển người địa phương - nông dân Kinh và người dân tộc vào làm. Về sau, do yêu cầu phát triển của sản xuất cao su, số dân địa phương không đủ cung cấp cho các đồn điền, buộc chúng phải ra miền Bắc, miền Trung "mộ phu" hay chúng gọi là "chiêu mộ công nhân giao kèo". Trước năm 1929, chủ yếu là "mộ" những thanh niên trai trẻ chưa lập gia đình, sau năm 1929 chủ yếu là "mộ" các hộ gia đình để "cột chặt" nguồn nhân lực lâu dài cho các đồn điền.

Đến thời Mỹ-ngụy, việc bố trí dân cư và tổ chức xã hội được chúng coi là vấn đề chiến lược nhằm tạo một cơ sở chính trị hạ tầng phục vụ cho việc bảo vệ ngụy quyền và làm bàn đạp bao vây các căn cứ kháng chiến của ta.

Về tín ngưỡng, Bình Phước có nhiều tôn giáo nhưng chỉ có đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành là có tín đồ tương đối đông.

Đạo Phật được truyền vào Bình Phước từ cuối thế kỷ XVI, khi những người Kinh đầu tiên từ phía Bắc đến làm ăn sinh sống ở vùng đất này. Từ đó, đạo Phật phát triển. Đến nay có gần 60.000 người theo đạo Phật. Đa số những người này đều có lòng yêu nước, thương dân, tham gia kháng chiến, góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc.

Đạo Thiên Chúa vào Bình Phước khoảng đầu thế kỷ XVII, lúc các nhà truyền đạo phương Tây theo các nhà buôn nước ngoài đến vùng đất này. Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị trong cả nước thì đạo Thiên Chúa phát triển khá nhanh. Dưới thời Mỹ-ngụy, trên 20 nghìn giáo dân từ

các tỉnh miền Bắc bị địch dụ dỗ đưa vào định cư ở những vùng chiến lược ở Bình Phước, với những âm mưu thâm độc. Hiện nay số tín đồ Thiên Chúa giáo trong tỉnh có khoảng 58 nghìn người, Tin Lành khoảng 40 nghìn người. Đa số đồng bào theo đạo Thiên Chúa, Tin Lành đều là những người lao động chân chính, họ có tinh thần yêu nước, nhiều người có công giúp đỡ cách mạng trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

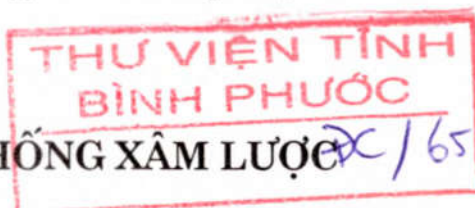
Đạo Cao Đài được truyền vào Bình Phước từ năm 1926 với ba hệ phái là Tòa thánh Tây Ninh, Chơn Lý Mỹ Tho và Chính Đạo Bến Tre. Tín đồ Cao Đài hiện nay có khoảng 1.800 người. Đa số những người theo đạo Cao Đài đều làm ăn lương thiện, đóng góp công sức xây dựng Tổ quốc.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, kẻ địch luôn tìm mọi cách lợi dụng chia rẽ dân tộc, chia rẽ giữa những người có đạo và không có đạo, gây mâu thuẫn giữa đạo này với đạo khác; nhưng trước chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về đoàn kết dân tộc, tự do tín ngưỡng, tuyệt đại bộ phận những người có đạo đều nêu cao tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, hướng về cách mạng, cùng toàn dân góp phần giải phóng dân tộc.

Cũng như một số tỉnh ở Tây Nguyên, Bình Phước là nơi quy tụ dân cư từ khắp các tỉnh thành trong cả nước; với 28 thành phần dân tộc, họ về đây cùng với đồng bào các dân tộc S'tiêng, M'nông... ra sức xây dựng, bảo vệ mảnh đất này. Có thể nói Bình Phước là hình ảnh thu nhỏ những sắc thái của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, với bản sắc văn hóa riêng của mỗi miền mà đặc trưng là nền

văn hóa truyền thống lâu đời của cư dân bản địa mà tiêu biểu là người dân tộc Stiêng.

Tóm lại, Bình Phước là quê hương đồng bào các dân tộc S' tiêng, M' nông và là nơi quy tụ dân của các miền đất nước đến đây làm ăn, sinh sống. Họ là những người lao động nghèo khổ, bị vua quan phong kiến, thực dân, đế quốc đàn áp, bóc lột. Do vậy, họ không phân biệt là người từ nơi này hay nơi khác đến mà cùng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để tồn tại và phát triển. Họ nêu cao tinh thần thượng võ, không sợ khó khăn gian khổ, đấu tranh bất khuất trước mọi kẻ thù; Sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng quê hương, dân tộc; vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, ấm no, hạnh phúc của con người.



II. TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CHỐNG XÂM LƯỢC

Cuối thế kỷ XVIII, chế độ phong kiến đổ nát, hỗn loạn. Nông dân nổi dậy đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài. Từ khi vị lãnh tụ của phong trào nông dân - Vua Quang Trung - mất đột ngột, quân Tây Sơn tuy bị yếu dần nhưng vẫn kháng cự anh dũng. Mãi đến gần 10 năm sau, Nguyễn Ánh mới đàn áp nổi phong trào Tây Sơn, phục hồi chế độ phong kiến phản động. Chính tập đoàn phong kiến họ Nguyễn đã tạo cơ hội cho chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Bị sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, Pháp phải thay đổi kế hoạch xâm lược. Dựa vào ưu thế cơ động của hải quân, chúng quyết định đem quân vào đánh Gia Định vì vùng này có nhiều sông ngòi, tàu bè đi lại thuận tiện, lại là vụ lúa, hậu cần rất tốt cho quân đội viễn chinh.

Hơn nữa, đánh Lục tỉnh sẽ cắt nguồn tiếp tế lúa gạo của triều đình Huế. Sau khi chiếm được thành Gia Định, ngày 19 tháng 2 năm 1861, một đoàn tàu chiến Pháp theo sông Sài Gòn tiến công vào huyện Bình An và Tân Uyên. Giặc Pháp đi đến đâu cũng vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của nhân dân Thủ Dầu Một kiên cường.

Sau khi đánh chiếm Bình An và Tân Uyên, Pháp bắt đầu thiết lập bộ máy cai trị ở đây. Từ đó, chúng luôn tìm mọi cách mở rộng phạm vi chiếm đóng như Bù Đốp, Hớn Quản, Bà Rá... nơi cư trú của đồng bào các dân tộc ít người như: S' tiêng, Châu Mạ, Châu Ro, M' nong, Tà Mun... Nhưng mãi đến năm 1892, chúng mới thiết lập được bộ máy cai trị ở Chơn Thành gồm 6 tổng và 50 buôn làng. Từ năm 1899 về sau, chúng tổ chức nhiều cuộc hành quân vùng lưu vực Sông Bé, núi Bà Rá để đàn áp, bắt dân đưa về làm lao dịch. Chúng dùng nhiều thủ đoạn lừa mị kết hợp với biện pháp vũ lực để cướp đất của đồng bào các dân tộc, buộc họ phải rời bỏ buôn làng, đi vào rừng sâu kiếm sống. Thâm độc hơn nữa là gây chia rẽ giữa người Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số. Chúng xóa bỏ chế độ tù trưởng và dựng lên bọn tay sai thuộc tầng lớp có uy quyền nhất ở các làng tổng. Việc làm đó của chúng nhằm nhiều mục tiêu, mà mục tiêu chủ yếu là lấy đất để lập đồn điền cao su và khai thác tài nguyên theo chính sách khai thác thuộc địa và xây dựng căn cứ chiến lược Tây Nguyên do Toàn quyền Đông Dương đề ra.

Ngay khi đặt chân lên đất Nam Kỳ, thực dân Pháp đã nhận thấy ngay những điều kiện khí hậu nhiệt đới và chất đất đỏ, xám của miền Đông Nam Bộ nên chúng gấp rút

lập vườn ươm thử nghiệm. Sau khi trồng thử nghiệm thành công, bọn tư bản Pháp thành lập nhiều công ty để khai thác đồn điền cao su¹.

Quá trình hình thành và phát triển các đồn điền cao su của thực dân Pháp gắn liền với việc cướp đoạt đất đai, nung rẫy của đồng bào các dân tộc và bóc lột thậm tệ đối với công nhân. Từ sự áp bức và bóc lột cùng cực của chủ đồn điền và lũ tay chân đã buộc người công nhân cao su đoàn kết cùng các dân tộc S' tiêng, M' nong, Châu Mạ, Châu Ro... đứng lên chống lại để bảo vệ quyền sống của mình. Cụ thể là ở Hớn Quản, Lộc Ninh, dưới sự lãnh đạo của ông Điểu Dố (người S' tiêng) đã nổi dậy đánh đuổi quân Pháp xâm chiếm buôn rẫy, tiêu diệt nhiều quân địch. Trước sức mạnh của kẻ thù, nghĩa quân của ông phải rút về Long Nguyên (Bến Cát), kiên cường chống giặc và ông đã anh dũng hy sinh.

1. Gồm:

- Công ty đồn điền đất đỏ (Plantations des terres rouges) thành lập 1910, do một viên toàn quyền Pháp làm chủ. Đối tượng khai thác là các đồn điền Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa

- Công ty cao su Viễn Đông (Société de Caoutchoues d'Extrême - Orient) tên thường gọi là Công ty CEXO, thành lập 1910, do một tên tư bản Pháp làm chủ. Đối tượng khai thác là ở Đông Dương.

- Công ty cao su đất đỏ được lập ra với những đồn điền lớn như Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch...

- Công ty Mitsolanh trong thời gian từ 1917 đến 1935 đã xây dựng được hai đồn điền cao su lớn là Dầu Tiếng và Phú Riềng, sau phát triển thêm đồn điền Thuận Lợi.

Một thủ lĩnh khác, ông Rít Đình đã tập hợp được các thủ lĩnh của người Stiêng, Mơ Nông kết hợp với phong trào đấu tranh của công nhân cao su, chiến đấu chống sự đàn áp dã man của thực dân Pháp và bọn chủ các đồn điền đối với đồng bào các dân tộc và công nhân cao su. Hưởng ứng phong trào chống Pháp của Nơ Trang Long, ông Rít Đình, chủ làng Stiêng ở sóc Bukơn, cùng ông R'ôngleng chủ làng M' nông ở thượng nguồn sông Đak Lung, sóc Buluk amprak tập hợp đội quân thường có từ 150 - 170 người, có lúc tăng đến 500 người. Rít Đình và nghĩa quân của ông đã phục kích, giết chết tên Gatidơ (Gatille), đại úy quận trưởng Bù Đốp và một số lính Pháp đi với hắn, trong lúc y đang chỉ huy làm con đường số 14. Bởi vì lúc thi công đường này, dân chúng quanh vùng bị đẩy vào tình cảnh khốn khổ: nhiều người khỏe mạnh bị bắt đi làm phu, nhà cửa bị tàn phá, phải bỏ nương rẫy. Sau đó, tên Morie về thay làm quận trưởng, hắn tiếp tục đàn áp, khủng bố dã man hơn, gây nên sự căm thù trong nhân dân. Trước tình thế đó, hai anh em Diễn Môn và Diễn Mốt người sóc Bù Xum vận động được khoảng 200 người ở các vùng lân cận giết chết tên Morie trong một trận phục kích ngày 25 tháng 10 năm 1933. Từ đó, phong trào vũ trang nổi dậy chống Pháp của đồng bào các dân tộc ở Bình Phước không lúc nào ngừng. Thủ lĩnh này bị Pháp bắt hoặc hy sinh đã có thủ lĩnh khác thay thế, tiếp tục cuộc chiến đấu, lớp nghĩa quân này bị tan đã có lớp nghĩa quân khác lên thay chiến đấu chống giặc.

Đồng thời với cuộc khởi nghĩa chống lại tên Morie, nhân dân Bình Phước đã tạo ra phong trào đấu tranh vũ

trang nhằm diệt đồn Bu Kol do tên Gécbe (Gerber) làm đồn trưởng. Đồn này là nơi xuất phát của ngụy quân đi càn quét, gây tội ác đối với đồng bào các buôn làng ở Lộc Ninh, Hớn Quản, biên giới Việt Nam - Campuchia.

Cuộc tiến công nổ ra ngày 2 tháng 1 năm 1934. Trước khi nổ súng tấn công, những người chỉ huy đã tổ chức cho dân làng chặt hàng trăm cây to ngã xuống cản đường, không cho giặc từ Bù Na đến tiếp viện. Với lực lượng khoảng 300 người, phần nhiều được trang bị bằng vũ khí tự tạo như cung tên tẩm thuốc độc, tầm vông vạt nhọn, giáo mác, xà gạt và một ít súng săn, súng trận, lựu đạn, những người khởi nghĩa bao vây đồn, chặn đánh quân tiếp viện. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, và nghĩa quân đã thu được những thắng lợi lớn.

Sau trận này các thủ lĩnh nghĩa quân ở Bù Đốp, Bà Rá và các vùng lân cận đã liên hệ với nhau khá chặt chẽ. Dựa vào địa thế hiểm trở của rừng núi, họ phát triển mạnh phong trào rào đường vào sóc, đào cắm hố chông, làm bẫy đá ở dốc cao... Nghĩa quân gần như làm chủ cả khu vực, địch tấn công nhiều lần nhưng đều bị thất bại. Cuộc chiến đấu kéo dài mãi đến năm 1935, mới tạm ngưng, khi ông Nơ Trang Long - thủ lĩnh nghĩa quân ở Tây Nguyên bị giặc Pháp bắt.

Trong giai đoạn này, mặc dù các cuộc nổi dậy vũ trang của đồng bào các dân tộc đều không thành công nhưng qua đó đã thể hiện truyền thống bất khuất, đoàn kết chống giặc của nhân dân, khơi dậy tinh thần yêu nước và ý chí chống ngoại xâm. Các cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc ở Bình Phước có ảnh hưởng lớn đến những cuộc

đấu tranh của thợ thủ công các lò gốm ở Tân Uyên, Lái Thiêu, Bến Cát... đã làm cho bọn thống trị thực dân và tay sai của chúng vô cùng lo ngại.

*

* *

Ở vùng miền Đông đất đỏ nói chung và ở Bình Phước nói riêng, thực dân Pháp đặc biệt chú ý vùng đất màu mỡ này để thành lập các đồn điền cao su nhằm khai thác tài nguyên. Mỗi đồn điền cao su là một địa ngục trần gian. Cùng với sự ra đời của ngành khai thác cao su, đội ngũ công nhân cao su cũng bắt đầu xuất hiện. Công nhân đồn điền cao su có sự thay đổi cùng với sự tiến triển của việc khai thác cao su. Lúc đầu, bọn tư bản đồn điền tuyển người địa phương - nông dân người Kinh và người dân tộc vào làm. Sau đó do yêu cầu phát triển của sản xuất cao su, số dân địa phương không đủ cung cấp cho các đồn điền, buộc chúng phải ra miền Bắc, miền Trung chiêu mộ "nhân công giao kèo". Đời sống của công nhân vô cùng cơ cực, họ bị cưỡng bức lao động quá sức chịu đựng của con người. Những câu ca dao của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ còn lưu truyền mãi đã thể hiện phần nào cuộc sống của họ.

*"Ai về đất đỏ miền Đông,
Mà nghe lao động đồn điền thở than.
Than rằng: cực lắm trời ơi!
Dân phu phải sống cuộc đời tối tăm
Cá hôi, gạo mục quanh năm.
Vẫn chưa đầy bụng, đói nằm rừng cây.
Trời cao, cao mấy tầng mây,*

Trời cao có thấu nỗi này cho chăng"

Vì không chịu nổi sự áp bức bóc lột của bọn chủ tư bản, phong trào đấu tranh của công nhân ngày càng phát triển mạnh trước hết là để bảo vệ quyền sống của mình, dần dần mang sắc thái chính trị của cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Từ những năm 1925, 1926 ở Bình Phước, các phong trào đấu tranh được soi sáng bởi một đường lối cách mạng tiên tiến: Con đường cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc, người chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, nhà yêu nước vĩ đại, tiếp thu và truyền bá vào Việt Nam.

Tháng 6 năm 1924, tổ chức "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" được thành lập tại Quảng Châu, Trung Quốc. Đây là một tổ chức tiên thân chuẩn bị cho sự ra đời của một Đảng Mác-xít - Lênin-nít ở Việt Nam. Từ đó nhiều hội viên được huấn luyện về đường lối phương pháp cách mạng, được cử làm việc trong các nhà máy, đồn điền của thực dân. Nhiệm vụ của các đồng chí này là tuyên truyền vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng để tự rèn luyện lập trường giai cấp công nhân. Một trong những hội viên tiêu biểu của phong trào này là đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh (tức Nguyễn Xuân Cừ) được cử đi "vô sản hóa" ở đồn điền cao su Phú Riềng.

Tháng 4 năm 1928, chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Các hội viên này đã tích cực vận động đông đảo quần chúng lao động bước vào một thời kỳ đấu tranh có sự lãnh đạo của tổ chức cách mạng. Từ đó, phong trào đấu tranh

của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phát triển mạnh mẽ hơn, nhất là phong trào đấu tranh của công nhân các đồn điền cao su.

Tháng 10 năm 1929, trên cơ sở tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập tại làng 3. Chi bộ gồm 6 đảng viên là : Nguyễn Văn Vĩnh tức (Nguyễn Xuân Cừ), Trần Tử Bình, Phạm Thư Hồng, Tạ, Hòa và Doanh, Nguyễn Văn Vĩnh được cử làm Bí thư. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên của tỉnh Thủ Dầu Một, đồng thời cũng là chi bộ cộng sản đầu tiên của ngành cao su Việt Nam. Cũng trong tháng 10 năm 1929 Xứ ủy Đông Dương Cộng sản Đảng đã "cắm" xong một tổ chức "đỏ" ở Phú Riềng, hình thành bộ khung tổ chức Đảng ở 3 nơi: Ba Son - Phú Riềng - Vĩnh Kim.

Ngày 30 tháng 1 năm 1930, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ đảng Phú Riềng, lần đầu tiên công hội đỏ tổ chức một cuộc biểu tình thị uy lớn kết hợp với bãi công gồm 5000 công nhân đưa yêu sách đòi thực hiện đúng giao kèo giữa chủ thợ, cấm đánh đập, cấm cúp lương vô lý, miễn sưu thuế, trả lương cho nữ công nhân nghỉ đẻ, bồi thường tai nạn lao động, được trị bệnh và hưởng đủ lương khi ốm đau. Cuộc đấu tranh diễn ra từ ngày 30 tháng 1 năm 1930 đến ngày 6 tháng 2 năm 1930, công nhân tước được 7 khẩu súng, bắt được 5 lính giải tới chủ sở làm con tin, buộc tên Soumagnac phải ký vào biên bản, ghi nhận đầy đủ những yêu cầu của nghiệp đoàn công nhân cao su Phú Riềng. Sau cuộc đấu tranh này, nhiều đảng viên kể cả Bí thư chi bộ, cán bộ nghiệp đoàn và thư ký nghiệp đoàn

đã sa vào tay giặc; số còn lại rất ít nhưng họ vẫn giữ vững ý chí đấu tranh bất khuất, và tiếp tục vận động được hàng ngàn công nhân tham gia biểu tình đưa các yêu sách đòi ngày làm việc 8 giờ, tăng lương, bỏ đánh đập, thả những người bị bắt... Họ còn có ý định kéo xuống Biên Hoà gặp tỉnh trưởng, nhưng bọn chủ điều binh lính từ quận Bà Rá đến đàn áp.

Cuộc tổng bãi công và khởi nghĩa ở Phú Riềng từ đây trở thành sự kiện trung tâm bình luận của báo chí ở Nam Kỳ. Tờ *Phụ nữ Tân Văn*, liên tiếp đưa 5 tin về sự kiện này với những lời bình luận rất có lợi cho phong trào đấu tranh của công nhân. Sự kiện này cũng đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở Bình Phước nói riêng và cả nước nói chung. "Phú Riềng đỏ" xuất hiện từ thắng lợi của cuộc đấu tranh này. Và tiếng vọng "Phú Riềng đỏ" còn là tiếng pháo đón mừng Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc triệu tập được tổ chức ở Cửu Long (Trung Quốc) đánh dấu sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về lãnh đạo và bế tắc về đường lối của cách mạng Việt Nam.

Các chi bộ của ba tổ chức cộng sản trước đó chuyển thành chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam trong đó có chi bộ Phú Riềng.

Từ "Phú Riềng đỏ", phong trào đấu tranh lan nhanh như một phản ứng dây chuyền.

Ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, sau khi xảy ra sự kiện "Phú Riềng", công nhân cùng nhau hạ quyết tâm đấu

tranh đòi quyền lợi như ở Phú Riềng. Trong lúc không khí đấu tranh ở đây đang sôi sục thì bọn chủ công ty đã điều Xumanhắc từ Phú Riềng về Dầu Tiếng. Sự việc này đã gây nên một làn sóng phản nộ trong công nhân. Ngày 10-2-1930 hàng trăm công nhân các làng trong đồn điền bỏ việc và người cầm dao, người vác cuốc kéo về chợ Dầu Tiếng vừa đi vừa hô lớn:

- Xumanhắc cút ngay!

- Không được cho công nhân ăn gạo lúc, gạo ảm, cá thối!

- Không được đánh đập công nhân.!

Xumanhắc cuống cuống cầu cứu lính mã tà; nhưng những người biểu tình vẫn tiến thẳng không chút sợ hãi, bọn lính mã tà nổ súng làm chết hai người nhưng đoàn người lại tiếp tục ào ạt xông lên đấu tranh. Cuộc đấu tranh của công nhân Dầu Tiếng bước đầu thành công là hệ quả tất yếu của sự bóc lột, tàn nhẫn của chủ đồn điền đối với công nhân lao động.

Sau cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng ngày 1 tháng 5 năm 1930, công nhân nhà máy đèn Chợ Quán (Sài Gòn), phu làm đường Catina (Catinat) và Etspanhơ (Espagne) (Sài Gòn), công nhân hãng dầu Nhà Bè... tiếp tục đấu tranh đòi thi hành ngày làm việc 8 giờ.

Cuộc tổng biểu dương lực lượng của đông đảo công nhân cao su vào ngày 1 tháng 5 năm 1930 cho thấy từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, phong trào công nhân đã có những bước tiến vững chắc - đấu tranh có tổ chức với ý thức tự giác để chống lại kẻ thù của giai cấp và dân tộc. Trong nửa cuối năm 1930

và năm 1931, anh chị em công nhân cao su trong các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Lộc Ninh, Đa Kia... lần lượt nổi dậy đấu tranh trực diện với chủ đồn điền, buộc chúng phải giải quyết yêu sách của công nhân. Các cuộc đấu tranh sôi nổi ấy tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ liên tục của phong trào đấu tranh của công nhân cao su nói riêng và của nhân dân Bình Phước nói chung trong những năm sau.

Tháng 4 năm 1936, Chính phủ Mặt trận bình dân lên cầm quyền ở Pháp. Phong trào bãi công của công nhân "chính quốc" bùng nổ đã có tác dụng thúc đẩy phong trào đấu tranh của công nhân ở nước ta.

Tháng 7 năm 1936, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất chống đế quốc, trên cơ sở liên minh công nông và thu hút cả sự ủng hộ của tư sản bản xứ để phát động cao trào đấu tranh dân chủ và cải cách xã hội; trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai đòi tự do, cơm áo, hòa bình. Đây là sự vận dụng sáng tạo, kết hợp giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp của Đảng ta vào hoàn cảnh cụ thể ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến.

Về hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh, Đảng chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp kết hợp những hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp với những hoạt động không hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng; đồng thời củng cố và phát triển, tổ chức Đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng.

Hội nghị lần thứ Nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, mở ra cho cách mạng Đông Dương một thời kỳ phát triển mới. Xứ ủy Nam Kỳ lúc bấy giờ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư đã tiếp thu Nghị quyết tháng 7 năm 1936 và các Nghị quyết tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng triển khai cho các tỉnh thực hiện.

Lúc này, tổ chức Đảng ở Bình Phước chỉ đạo các chi bộ đảng tận dụng mọi hình thức công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp để tập hợp quần chúng đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi tự do, cơm áo, hoà bình.

Vào những năm 1936-1939, công nhân cao su Bình Phước vẫn phải sống và làm việc trong những điều kiện hết sức khắc nghiệt và tồi tệ, ngày lao động bị kéo dài, đồng lương chết đói lại bị ức hiếp đánh đập, và bệnh tật...; mặc dù, sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp có ban hành một số sắc luật mang tính chất tiến bộ nhưng vẫn trong phạm vi chế độ dân chủ tư sản.

Với những điều kiện chính trị mới trên thế giới và trong nước đã có tác động đến phong trào công nhân cao su nói chung và Bình Phước nói riêng.

Trên thế giới, trước sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ của một cuộc chiến tranh với quy mô thế giới mà bọn phát xít đang ráo riết chuẩn bị, Quốc tế Cộng sản đã họp Đại hội lần thứ VII tại Mátxcơva từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 25 tháng 8 năm 1935, quyết định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân thế giới là phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận dân chủ rộng rãi để chống phát xít.

Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản vạch rõ cho các Đảng Cộng sản là phải xây dựng mặt trận đấu tranh chống bọn phátxít hiếu chiến.

Tại Pháp, tuy các tổ chức phátxít hoạt động mạnh, nhưng Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt đã đưa ra chương trình tranh cử: "đòi giải tán các tổ chức phátxít; ân xá tù chính trị; chống thất nghiệp; cải cách chế độ thuế khóa; quốc hữu hóa công nghiệp quân sự; thiết lập một Ủy ban điều tra tình hình chính trị, kinh tế và tinh thần ở các nước thuộc địa Pháp, nhất là các nước ở bắc châu Phi và Đông Dương". Cuộc tổng tuyển cử đã giành được thắng lợi và trước áp lực mạnh mẽ của phong trào công nhân và lao động Pháp, chính phủ Pháp đã thi hành một số biện pháp tiến bộ như tăng lương, tuần làm việc 40 giờ, nghỉ phép năm có lương... Đối với các thuộc địa, chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp cũng đã thông qua quyết định quan trọng: Thả tù chính trị, lập Ủy ban điều tra tình hình thuộc địa; thi hành một số cải cách xã hội cho người lao động.

Thắng lợi của phong trào công nhân thế giới, trước hết là của Mặt trận nhân dân Pháp, làm cho bọn thực dân Pháp ở Đông Dương không dám thẳng tay đàn áp phong trào quần chúng như trước.

Cùng với những thuận lợi của tình hình thế giới, tình hình trong nước cũng có thêm nhiều nhân tố mới, trong đó nổi bật nhất là đường lối đấu tranh mới của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Những điều kiện thuận lợi đó đã góp phần cho quân

dân Bình Phước tiếp tục đấu tranh giành thắng lợi.

III. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC - TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM THẮNG LỢI

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Chính phủ phản động Pháp bị lôi cuốn vào vòng chiến, liền cho thi hành một loạt biện pháp ngăn chặn cách mạng ở Pháp và các thuộc địa. Ở Việt Nam, thực dân Pháp lập ngay chế độ quân nhân phátxít tàn bạo và tiến hành đại khủng bố. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cho chiến tranh đế quốc. Ngày 28 tháng 9 năm 1939, Phủ toàn quyền Đông Dương ra lệnh giải tán và tịch thu tài sản của các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn và bắt đầu cuộc khủng bố ác liệt đàn áp các lực lượng cách mạng. Thời kỳ vận động dân chủ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp chấm dứt. Cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kỳ mới.

Trước tình hình đó, đầu tháng 11 năm 1939 Đảng ta triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ sáu. Hội nghị gồm có các đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu... họp ở Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định) quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, chuẩn bị những điều kiện để tiến tới tổng khởi nghĩa, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc. Từ ngày 6 đến ngày 9-11-1940,

Hội nghị Trung ương lần thứ bảy họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh) có các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt tham dự. Hội nghị tiếp tục khẳng định chủ trương chuyển hướng chiến lược đúng đắn của Hội nghị tháng 11 năm trước (1939), xác định kẻ thù chính của cách mạng lúc này là phátxít Pháp và Nhật; khẳng định Đảng phải chuẩn bị để lãnh đạo nhân dân vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền...

Mặc dù địch khủng bố ác liệt, phong trào quần chúng vẫn giữ vững và phát triển. Nhiều cuộc đấu tranh đã diễn ra ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Ngày 27 tháng 9 năm 1940, khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ, đập tan chính quyền địch ở địa phương. Đội du kích Bắc Sơn ra đời. Ngày 23 tháng 11 năm 1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, nhân dân ở hầu khắp các tỉnh miền Nam vùng lên với ý chí đấu tranh mạnh mẽ, phá tan hệ thống chính quyền địch ở nhiều nơi, lập chính quyền cách mạng, trừng trị bọn Việt gian, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho nông dân nghèo, thực hiện các quyền tự do, dân chủ. Lần đầu tiên, cờ đỏ sao vàng xuất hiện tại một số vùng quê Nam Bộ.

Tuy cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã bị thất bại vì kế hoạch bị lộ nhưng qua đó đã nêu một tấm gương ngời sáng về tinh thần kiên cường, bất khuất của nhân dân ta. Từ trong thực tế đấu tranh, quần chúng nhân dân tin tưởng, gắn bó với Đảng nhận thức sâu sắc rằng: muốn có độc lập, phải đoàn kết đấu tranh, muốn đấu tranh thành công thì không có con đường nào khác là phải dùng bạo lực cách mạng để trấn áp bạo lực phản cách mạng.

Đầu năm 1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước. Từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941 tại Pắc Bó - Cao Bằng, Người chủ trì Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng. Hội nghị quyết định giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước của các giai cấp và các tầng lớp nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm đánh đổ Nhật-Pháp và bè lũ tay sai, giành độc lập cho dân tộc. Để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), chuẩn bị lực lượng, lập căn cứ địa chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 19 tháng 5 năm 1941, Mặt trận Việt Minh ra đời. Việt Minh tiêu biểu cho sự đoàn kết thống nhất, phát huy truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc, thành lập nhiều tổ chức quần chúng như: công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... để vận động nhân dân tham gia chống giặc.

Ngày 6-6-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: "Giờ đây công cuộc giải phóng dân tộc là cao hơn tất cả! Chúng ta phải đoàn kết lại, đánh đổ Pháp, Nhật và tay sai của chúng, để cứu dân ta khỏi vòng nước sôi lửa bỏng!" .

Hội nghị Trung ương Tám, diễn ra vào lúc tình hình thế giới và trong nước có những đột biến gây tác động mạnh vào phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

Cuối năm 1942, cuộc chiến tranh thế giới có nhiều chuyển biến thuận lợi cho quân đồng minh. Quân đội Xô viết giành nhiều thắng lợi và đang tiến hành phản

công trên khắp các mặt trận. Ở Đông Dương phát xít Nhật ngày càng lấn Pháp, nắm quyền kiểm soát hầu hết các đầu mối quân sự, kinh tế quan trọng.

Bọn thực dân Pháp ở thuộc địa phân hóa thành hai phái: Phái Pétanh (Pétain) đầu hàng phát xít Đức và phái Đờ Gôn (De Gaul) kháng chiến chống phát xít Đức.

Những chuyển biến trên đã có tác động đến tình hình cách mạng Việt Nam. Riêng phong trào cách mạng trong tỉnh có sự chuyển biến mới. Tại trại Cólông, các đồng chí tổ chức hội "người cùng quê" để làm công tác binh vận, liên lạc với người nhà để nhận sách báo và tin tức đấu tranh ở các tỉnh. Nhà tù Bà Rá, nơi giam giữ gần 400 quân chúng yêu nước và những người cộng sản, trong đó phần lớn bị bắt vì tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ đã bí mật thông báo tin tức cho nhau. Tại đồn điền Lộc Ninh, vào những ngày cuối năm 1942, hàng trăm công nhân các làng 4,9,10 đã biểu tình thị uy đòi chủ sở phải giảm giờ làm việc, thực hiện những điều mà toàn quyền Đông Dương đã ký trước đây, không được cúp lương công nhân. Thực dân Pháp và chủ sở chẳng những không đáp ứng yêu cầu chính đáng của công nhân mà còn nổ súng đàn áp làm gần 10 người chết và bị thương, bắt đi một số công nhân, hành động này càng làm thêm sôi sục lòng căm thù của 2 vạn công nhân cao su đang sống ở 11 làng. Lúc này đồng chí Lê Đức Anh đang hoạt động hợp pháp ở Lộc Ninh, lập ra nhóm "công nhân nòng cốt" để củng cố và phát triển phong trào đấu tranh sắp tới.

Ở Thủ Dầu Một, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập vào tháng 4 năm 1943 ở làng 1 đồn điền cao su Dầu Tiếng do đồng chí Văn Công Khai làm Bí thư¹. Cuối năm 1943, tinh thần Nghị quyết Tám của Trung ương Đảng ta được các đồng chí ở Xứ ủy Nam Kỳ và Thành ủy Sài Gòn truyền đạt đến các cán bộ chủ chốt của tỉnh. Từ đó, ngọn lửa cách mạng lại bùng lên trong toàn tỉnh, cơ sở và hệ thống chi bộ Đảng nhanh chóng được phục hồi tuy vẫn còn trong tình thế vận động bí mật.

Các tổ chức quần chúng nửa công khai, nửa hợp pháp trong công nhân, thợ thủ công, các tầng lớp công chức, tiểu chủ được tái lập. Gánh hát cải lương do đồng chí Văn Công Khai sáng lập đi biểu diễn nhiều nơi đã thu hút mạnh mẽ tình cảm và sự hưởng ứng của đông đảo quần chúng vào phong trào đấu tranh cách mạng. Mặt trận Việt Minh trong tỉnh đã có cơ sở vững chắc trong quần chúng. Phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật dâng cao và ngày càng lan rộng trong toàn tỉnh. Bên cạnh các tổ chức chính trị được xây dựng và phát triển ngày càng mạnh, lực lượng vũ trang cách mạng bước đầu được nhen nhóm, hình thành.

Đầu năm 1944, Tỉnh ủy lâm thời họp lần thứ hai, quán triệt thêm một bước Nghị quyết Trung ương lần thứ Tám của Đảng, đẩy mạnh phong trào cách mạng lên một bước, nhất là ở các đồn điền cao su và vùng đồng bào dân tộc.

Tháng 2 năm 1944 chi bộ Lộc Ninh được thành lập gồm

1. Tỉnh ủy lâm thời gồm các đồng chí: Văn Công Khai, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung, Vũ Văn Hiến (T.G)

3 đảng viên do đồng chí Lê Đức Anh làm Bí thư. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Điều lệ Việt Minh đã được phổ biến sâu rộng trong công nhân và nhân dân vùng này. Ngoài ra chi bộ còn thành lập nhóm trung kiên gồm các ông Mé, ông Ký Thịnh, ông Khiêm, ông Ba Đền, ông Cai Loại và ông Hai Đình (con ông Ba Đền) làm nòng cốt vận động phong trào Việt Minh, tạo cơ sở cho các Hội cứu quốc ra đời.

Ở đồn điền cao su Lộc Ninh, khoảng đầu năm 1944 hơn 300 công nhân bãi công đòi tăng lương, giảm giờ làm, không được cúp lương... Lần này, anh em công nhân đã lập ra một đội tự vệ được trang bị dao găm, gậy gộc và nhiều phương tiện khác giấu trong người để bảo vệ đoàn biểu tình khi bị địch đàn áp. Lúc bấy giờ chủ sở đã bố trí sẵn vài chục tên lính canh gác trước cổng. Khi người đại diện công nhân tay cầm băng kiến nghị vừa bước ra khỏi đoàn biểu tình thì bọn lính xông vào đánh tới tấp. Xô xát đã diễn ra nhưng đại diện công nhân vẫn xông tới nhà để gặp chủ sở, song tên này hoảng sợ đã bỏ trốn.

Bên ngoài, bọn lính tiếp tục đánh công nhân, lập tức anh em trong đội bảo vệ bao vây đánh tên chỉ huy một trận nhừ tử. Bọn lính lại bắn xối xả vào anh chị em công nhân làm hai người chết, nhiều người khác bị thương. Lực lượng thanh niên tự vệ đồng loạt xông tới đánh nhau với bọn lính, mấy tên lính bị đâm chết, một số bị thương, số còn lại bỏ chạy. Cuộc đấu tranh tiếp tục, anh em phân công nhau đưa các đồng đội hy sinh và bị thương về làng, số còn lại tràn tới bao vây nhà tên chủ chánh Đơ Lalăng, đập phá cửa cổng. Cuối cùng tên chủ chánh buộc lòng phải nhượng bộ, chịu tiếp đại diện công nhân và nhận sẽ giải

quyết các yêu sách, đồng thời buộc phải chuyển số lính ác ôn đi nơi khác.

Ở đồn điền cao su Quản Lợi, công nhân tiến hành "làm reo" chống lại bọn cai sếp gian ác như tên Cao Phong...

Những cuộc đấu tranh của công nhân đã tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ phong trào cách mạng sau này.

Giữa năm 1944, đồng chí Văn Công Khai, Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp đứng ra củng cố, tổ chức Mặt trận Việt minh của tỉnh và các địa phương theo phương châm: nơi nào đã phục hồi cơ sở Đảng thì tổ chức các Hội cứu quốc (Hội công nhân cứu quốc, Hội nông dân cứu quốc, Hội thanh niên cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc) sau đó phát triển ra các nơi khác.

Đến đầu năm 1945, các Hội cứu quốc lần lượt ra đời ở nhiều nơi trong tỉnh Thủ Dầu Một trong đó có Quản Lợi, Lộc Ninh... (thuộc quận Hớn Quản). Sau khi được thành lập, hội viên các Hội cứu quốc tích cực vận động đồng bào tham gia Hội để đấu tranh chống Pháp, Nhật, chuẩn bị giành chính quyền. Về phía địch, thực dân Pháp và phátxít Nhật tăng cường đánh phá ta bằng nhiều biện pháp, vừa tung ra những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc vừa tiến hành các cuộc đàn áp phong trào yêu nước. Hành động của chúng đã gây ra một số tác hại cho phong trào: một bộ phận nhỏ trong nhân dân có tư tưởng bi quan thất vọng, tâm lý sợ địch và thiếu tin tưởng chính sách của Việt Minh.

Trên thế giới từ năm 1944 đến đầu năm 1945, tại chiến trường Châu Âu, quân đội Xôviết đã giành được

thắng lợi. Giờ tận số của phát xít Đức đã điểm.

Ngày 7 tháng 6 năm 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa. Ngày 10 tháng 8 năm 1944, Trung ương Đảng ra Lời kêu gọi sắm vũ khí đuổi thù chung nhằm thúc đẩy cuộc khởi nghĩa vũ trang tiến lên mạnh mẽ hơn. Tháng 10-1944 Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào, các đảng phái và các đoàn thể chuẩn bị Đại hội đại biểu quốc dân. Trong khi cuộc khởi nghĩa ở Cao - Bắc - Lạng sắp bùng nổ, Hồ Chủ tịch ra lệnh đình chỉ việc phát động khởi nghĩa, và chỉ thị "Phải tìm hình thức vũ trang đấu tranh linh hoạt hơn, chính trị trọng hơn quân sự, để đẩy mạnh phong trào đi tới và củng cố cơ sở chính trị". Người chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Bản chỉ thị rất ngắn gọn, xúc tích, bao gồm nhiều vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự cách mạng vô sản Việt Nam như: kháng chiến toàn dân, động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang, nguyên tắc tác chiến và chiến thuật du kích... Bản chỉ thị đó có tính chất như một cương lĩnh quân sự vắn tắt của Đảng ta.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, "Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân" gồm 34 người, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Vừa thành lập, Đội đã mưu trí, dũng cảm diệt 2 đồn địch.

Đúng như dự đoán của Đảng ta, ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật lật đổ Pháp độc chiếm Đông Dương. Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Nhật - Pháp bắn nhau và hành

động của chúng ta". Chỉ thị chỉ rõ lúc này "đế quốc phátxít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương". Dưới ánh sáng của bản chỉ thị lịch sử, cao trào kháng Nhật cứu nước cuộn cuộn dâng lên khắp toàn quốc. Riêng phong trào đấu tranh cách mạng trong tỉnh từ tháng 3 năm 1945 đã phục hồi nhanh chóng. Nhiều cán bộ, đảng viên bị giặc bắt đã thoát khỏi nhà tù trở về địa phương hoạt động. Nhiều đồng chí đảng viên các nơi đã quy tụ về tỉnh, một số đảng viên phá nhà tù Bà Rá về đây cũng đã kết hợp với cơ sở ở địa phương để hoạt động chuẩn bị ráo riết cho Tổng khởi nghĩa.

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định phải kịp thời lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương.

Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập. Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa được truyền đi như hồi kèn xung trận. Giờ Tổng khởi nghĩa đã đến.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào, với đủ các đại biểu các đảng phái chính trị, các đoàn thể, các dân tộc, tôn giáo cả 3 miền đất nước. Đại hội tán thành chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua Mệnh lệnh khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh và 10 chính sách của Việt Minh, cử Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam tức Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Thời cơ đã đến, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta

đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem hết sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên! Tiến lên!... Dừng cảm tiến lên!"¹.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 25 triệu đồng bào ta đã nhất tề vùng dậy tự giải phóng, sức mạnh như thác đổ, cuốn sạch lũ cướp nước và bán nước.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Xứ ủy Nam Kỳ về Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đồng chí Văn Công Khai - Bí thư Tỉnh ủy tổ chức ngay cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng. Hội nghị quyết định: Thành lập Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh do đồng chí Văn Công Khai phụ trách; các cơ sở lập ngay Ủy ban khởi nghĩa; ngày 25 tháng 8 năm 1945 tập trung lực lượng trong toàn tỉnh giành chính quyền tại thị xã; các thị trấn, đồn điền cao su đồng loạt khởi nghĩa.

Hội nghị khẳng định dù tình thế khó khăn thế nào cũng phải khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, nhân dân thị xã và các quận đã đứng lên giành chính quyền.

Tại Lộc Ninh, ngày 24 tháng 8 năm 1945, đội tự vệ do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy cùng với công nhân cao su và quần chúng tiến vào thị trấn cướp chính quyền. Bọn Nhật nổ súng chống cự nhưng chỉ sau 15 phút chiến đấu, đội tự vệ đã tiêu diệt 18 tên Nhật, thu 40 súng, buộc chúng phải xin hàng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, tr.554.

Cùng ngày, tại Bù Đốp, ta bao vây đánh địch thu được một kho súng. Đây là nguồn vũ khí giúp cho lực lượng vũ trang Lộc Ninh đánh địch sau này.

Lộc Ninh là một trong những nơi cướp chính quyền sớm nhất trong tỉnh Thủ Dầu Một.

Tại Hớn Quản (Bình Long), sáng 25 tháng 8 năm 1945 công nhân và nhân dân các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Bình Sơn... tổ chức mít tinh rồi chuyển thành biểu tình có trang bị vũ khí chiếm nơi làm việc của bọn chủ, giành quyền làm chủ đồn điền. Trước sức mạnh của quần chúng cách mạng, hầu hết bọn chủ đồn điền và bọn chỉ huy Nhật đều run sợ, vội vàng giao lại nhà xưởng, kho tàng, máy móc, đồn điền cho nhân dân.

Sau khi giành quyền quản lý các đồn điền, lực lượng thanh niên tiên phong cùng công nhân đã kéo về chợ Hớn Quản tổ chức mít tinh biểu dương lực lượng, sau đó cướp chính quyền quận lỵ.

Cũng trong sáng ngày 25 tháng 8 năm 1945, Ủy ban khởi nghĩa cử khoảng 100 công nhân Lộc Ninh - Hớn Quản và 50 công nhân người dân tộc thiểu số có trang bị vũ khí đến thị xã Thủ Dầu Một tham gia khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở Bà Rá (Phước Long), bọn chỉ huy và binh lính Nhật không dám đi khủng bố, chờ quân đồng minh (quân Anh) đến để giao nộp vũ khí.

Tại thị xã Thủ Dầu Một, theo kế hoạch đã định, rạng sáng ngày 25 tháng 8 hàng chục ngàn đồng bào các nơi trong tỉnh kéo về thị xã. Đến 7 giờ sáng, một cuộc biểu tình lớn được tổ chức trước dinh tỉnh trưởng. Đồng chí

Văn Công Khai - Bí thư tỉnh ủy- Trưởng ban khởi nghĩa thay mặt Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền phản động, thành lập chính quyền cách mạng.

Nhân dân Thủ Dầu Một dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã góp phần cùng cả nước xóa bỏ chế độ thực dân, phát xít, xây dựng nước Việt Nam độc lập.

Bình Phước giữ một vị trí địa lý tự nhiên, địa lý hành chính, địa lý quân sự quan trọng ở miền Đông Nam Bộ. Dân cư Bình Phước số đông là nông dân, công nhân cao su, đồng bào dân tộc thiểu số bị áp bức bóc lột nặng nề, có tinh thần yêu nước và đấu tranh chống ngoại xâm bất khuất. Từ trong phong trào công nhân, tổ chức Đảng Cộng sản ra đời từ rất sớm ở Bình Phước, và nhanh chóng trở thành tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng trong suốt các giai đoạn 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945, góp phần làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám lịch sử năm 1945.

Trong dòng chảy chung của lịch sử dân tộc, lịch sử miền Đông Nam Bộ, những đặc điểm của Bình Phước đã tạo đặt những tiền đề quan trọng để quân và dân Bình Phước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ ở địa phương.

PHẦN THỨ NHẤT

**BÌNH PHƯỚC TRONG KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)**

CHƯƠNG MỘT

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, CHUẨN BỊ VÀ THỰC HÀNH KHÁNG CHIẾN (9-1945 - 12-1946)

I. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

Trải qua gần một trăm năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ, nhân dân ta đã giành được độc lập, tự do với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, đem lại "một cuộc đổi đời chưa từng có đối với mỗi người Việt Nam". Trong không khí phấn khởi của những ngày đầu cách mạng, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân vùng bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà gồm các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp¹ đã hăng hái tham gia vào công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền mới.

Nhiệm vụ nặng nề và cần thiết đặt ra lúc này cho

1. Tỉnh Bình Phước ngày nay trong những năm 1945-1954 bao gồm một số quận của hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Khu vực Bình Long và một phần Lộc Ninh được gọi là quận Hớn Quản, phía đông bắc Lộc Ninh là quận Bù Đốp thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Khu vực Đồng Phú, Phước Long, Bù Đăng được gọi là quận Bà Rá thuộc tỉnh Biên Hòa (T.G).

chính quyền cách mạng còn rất non trẻ là phải xây dựng bộ máy chính quyền các cấp, bảo đảm ổn định trật tự trị an, nhanh chóng khôi phục sản xuất và bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng.

Vượt ra khỏi sự cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, nhân dân bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà đã thật sự thoát khỏi kiếp nô lệ, làm chủ đời mình, làm chủ mọi tài sản do chính mình làm ra. Công nhân, nhân dân lao động cùng với đồng bào dân tộc thiểu số đoàn kết gắn bó nêu cao lòng yêu nước, cùng nhau góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, với lời thề: "Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"¹. Các công chức cũ, xếp đội, cai tổng tự nguyện phục vụ chính quyền mới; nhiều địa chủ yêu nước cũng ủng hộ chính quyền, không ít người đem toàn bộ điền sản hiến cho cách mạng.

Tuy nhiên, ở các quận phía bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà còn gặp không ít trở ngại. Chính quyền cách mạng đang đứng trước những khó khăn về chính trị, quân sự, kinh tế. Kinh nghiệm tổ chức quản lý của ta còn nhiều hạn chế. Phần lớn cán bộ non yếu về kinh nghiệm chiến đấu, lực lượng quân sự còn mỏng, trang bị chủ yếu là giáo, mác, mã tấu mà nhiệm vụ cấp bách, cam go và phức tạp lúc này là phải tiêu diệt các thế lực phản cách mạng, giữ vững thành quả cách mạng.

Sau Cách mạng Tháng Tám, hầu hết các đồn điền cao

1. *Văn kiện quân sự của Đảng*, Nxb Quân đội nhân dân, 1976, t.2, tr. 13.

su, các nhà máy sản xuất chế biến cao su đều ngưng hoạt động, nhiều kho xưởng, máy móc, hóa chất bị hư hại, thất thoát chưa được phục hồi; giới tư bản quản lý các nhà máy, đồn điền bỏ trốn; hàng ngàn công nhân lâm vào tình trạng không tiền, gạo, thực phẩm; lực lượng phân tán và mất sức lao động, mang nhiều bệnh nghề nghiệp, mãn tính do hậu quả của xã hội cũ để lại khiến cho việc khôi phục và phát triển ngành sản xuất cao su gặp khó khăn. Đội ngũ công nhân xe lửa, công nhân cao su và thợ thủ công lâm vào tình trạng mất việc làm. Tất cả các hệ thống trường học, trạm y tế, khu nghỉ dưỡng hầu như không còn. Đại bộ phận nhân dân không biết chữ, bệnh dịch hoành hành nhiều nơi.

Những trở ngại trên cùng với nguy cơ xâm lược của thực dân Pháp khiến nhân dân bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Tuy nhiên, Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là tiền đề, sức mạnh cho nhân dân vùng bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà vượt qua khó khăn, thách thức, đi lên xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

*

* *

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công chưa được bao lâu thì thực dân Pháp được sự hỗ trợ của quân Đồng minh Anh, quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Âm mưu xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp đã được đề ra từ khi nước Pháp còn bị phátxít Đức chiếm đóng và ngày càng ráo riết thực hiện khi phe đồng minh thắng trận trong Chiến tranh Thế giới thứ hai. Ngày 12-

9-1944, Đờ Gôn (De Gaulle) chỉ định Mócđăng (Mordant) làm Tổng đại diện của chính phủ Pháp tại Đông Dương, đồng thời bên cạnh Chính phủ lâm thời, Pháp thành lập "Ủy ban hành động giải phóng Đông Dương". Ngày 24 tháng 3 năm 1945, Đờ Gôn tuyên bố "Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm năm xứ (Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên, Ai Lao) , đứng đầu là một viên toàn quyền Pháp và liên bang này "sẽ cùng với nước Pháp xây dựng thành khối liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại sẽ do Pháp đại diện". Ngày 22 tháng 8 năm 1945, Đại tá Xêđin (Cédille), người được Đờ Gôn trao chức Ủy viên cộng hòa Pháp tại Nam Việt Nam cùng với một tốp nhân viên quân sự và dân sự nhảy dù xuống Tây Ninh. Sau đó hai ngày, kế hoạch quay trở lại Đông Dương do Tướng Lơcơle (Leclerc) và Bộ tham mưu quân viễn chinh Pháp vạch ra được Ủy ban Đông Dương thông qua. Tập đoàn tư bản tài phiệt Pháp ra sức ủng hộ, tạo điều kiện để thực hiện kế hoạch này; đồng thời ráo riết cho việc chuẩn bị trở lại Đông Dương tái chiếm các cơ sở kinh tế cũ của chúng. Theo J. Xanh-toni, đương thời là Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Đông Dương cho rằng, chiếm được xứ sở này "sẽ thành một mối lợi vô cùng lớn lao có thể góp khá nhiều trong việc phục hồi kinh tế nước Pháp" ¹.

Đông đảo công chức Pháp kiều, mật thám, chủ đồn điền của bộ máy cai trị cũ mừng rỡ trước hành động tái xâm lược của thực dân Pháp. Dựa vào thế lực Anh và

1. Theo: J. Xanh-toni: *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Pari, 1967, tr. 47.

Pháp, bọn Tơrôtkít và tay sai thân Pháp, bọn đội lốt tôn giáo cũng hoạt động gây rối đón chủ cũ trở lại. Bọn phản động tung ra những khẩu hiệu đả kích, gây bạo loạn, vu khống chính quyền cách mạng, âm mưu dựng lên một “Chính phủ quốc gia liên hiệp” làm tay sai cho Pháp; các băng đảng trộm cướp thừa cơ cũng nổi dậy cướp bóc...

Những diễn biến trên đã đặt ra nhiệm vụ lịch sử mới cho nhân dân các quận bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà là phải củng cố chính quyền cách mạng của nhân dân, bảo đảm trật tự trị an, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa, chuẩn bị tất cả mọi phương diện về vật chất lẫn tinh thần để bước vào cuộc kháng chiến.

*

* *

Trong những ngày đầu khi cuộc Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn ở tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Tỉnh ủy và các cấp bộ Đảng hai tỉnh đã tập trung vào việc chăm lo, xây dựng, củng cố chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở xem đây là vấn đề then chốt, sống còn của cách mạng.

Ngay trong ngày Tổng khởi nghĩa 26 tháng 8 năm 1945, Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp ở tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập. Bác sĩ Trần Công Vị làm Chủ tịch, đồng chí Văn Công Khai và Nguyễn Minh Chương làm Phó Chủ tịch. Ngày 27 tháng 8 năm 1945, tại cuộc mít tinh ở thị xã Biên Hoà, danh sách Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hoà được công bố gồm 5 đồng chí, do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch, đồng chí Huỳnh Văn Hớn làm Phó Chủ tịch. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, theo chỉ thị của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cách

mạng các cấp đổi thành Ủy ban hành chính. Ủy ban hành chính do đồng chí Nguyễn Minh Chương làm Chủ tịch thay bác sĩ Trần Công Vị. Xứ ủy Nam Bộ điều đồng chí Nguyễn Văn Tiết về Thủ Dầu Một làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Văn Công Khai làm Phó Bí thư. Đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Ủy viên quân sự. Tham gia chính quyền là những cán bộ chủ chốt, từng tham gia tích cực vào các hoạt động cách mạng, từng gắn bó với nhân dân trong các cuộc đấu tranh. Phần đông là những công nhân nghèo khổ, bị chủ sở, cai sếp hành hạ nên họ sớm giác ngộ cách mạng.

Ở đồn điền Thuận Lợi, ngay chính văn phòng chủ sở người Pháp, nay trở thành trụ sở của Ủy ban nhân dân cách mạng.

Tại Thị trấn Hớn Quản, Ủy ban kháng chiến hành chính do đồng chí Tốt làm Chủ tịch và một số thành viên khác như: Nguyễn Văn Lâm làm Phó Chủ tịch, đồng chí Nghĩa làm Ủy viên quân sự. Các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, chính quyền cách mạng cũng được thành lập. Ngoài ra công nhân còn cử đại biểu tham gia ủy ban nhân dân địa phương, góp sức xây dựng chính quyền mới. Với trang bị vũ khí hầu hết còn thô sơ, giáo, mác, tầm vông vạt nhọn; từng địa phương phải tự lực, giải quyết bằng cách tổ chức bí mật lấy súng từ kho vũ khí của Nhật, hay mua bằng tiền, đổi bằng lương thực, thực phẩm. Hoặc tổ chức những trận phục kích nhỏ uy hiếp lính Nhật, tước vũ khí của chúng trang bị cho mình.

Sau khi Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh được củng cố, cấp ủy và chính quyền hết sức quan tâm tới việc xây dựng và

phát triển lực lượng của cách mạng bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Tỉnh ủy chủ trương tích cực xây dựng bộ máy chính quyền, đặc biệt là tổ chức Việt Minh và các đoàn thể quần chúng. Đồng chí Nguyễn Đức Nhân được cử làm Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh. Các tổ chức Việt Minh ở các tổng, xã nhanh chóng được thành lập làm chỗ dựa cho chính quyền cách mạng. Các tổ chức, đoàn thể cứu quốc trong thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân ra đời ở hầu hết các xã. Đây là những lực lượng chính trị có vị trí hết sức quan trọng trong việc bảo vệ chính quyền và là nền tảng thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trong các đồn điền cao su, nhà máy, xí nghiệp, các Ban quản trị công nhân được thành lập; bao gồm những công nhân ưu tú, những cán bộ từng đóng vai trò nòng cốt cùng quần chúng nhân dân, công nhân trong các hoạt động cách mạng, các cuộc đấu tranh giải phóng quê hương như: ở đồn điền cao su Lộc Ninh, đồng chí Lê Đức Anh là người lãnh đạo trực tiếp Ban quản trị công nhân. Cùng trong Ban quản trị đồn điền Lộc Ninh còn có: đồng chí Ba Quyên (lái xe), Ba Anh (công nhân), Ba Đèn, Cầu, Kỳ, Ngân, Đậu,... tham gia quản lý đồn điền. Bên cạnh đó, trong các đồn điền còn xây dựng lực lượng tự vệ làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ thành quả cách mạng. Thanh niên nam nữ hăng hái gia nhập lực lượng tự vệ đồn điền. Trong nhiều đồn điền cao su ở Hớn Quản, Lộc Ninh, Ban quản trị công nhân phát động phong trào thực hiện nếp sống mới, xây dựng

tình đoàn kết giữa người Kinh và người Thượng.

Phối hợp với chính quyền cách mạng, Ban quản trị các đồn điền bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Công nhân cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi tham gia vào tổ chức công đoàn tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất do tư bản Pháp để lại, lấy lương thực, thực phẩm, tiền bạc còn lại trong kho phát cho công nhân, bước đầu ổn định đời sống cho công nhân và gia đình của họ. Toàn bộ nợ nần, tô thuế, lao dịch bị hủy bỏ. Rừng cây, nhà máy đã thuộc về tay công nhân. Nhưng vấn đề nổi trọi lúc này là cứu đói. Phải giải quyết như thế nào? Khi việc khai thác chế biến cao su hầu hết đều ngừng hoạt động, số lương thực thực phẩm còn lại rất ít. Nhiều đồn điền bị bỏ hoang từ tháng 3 năm 1945, khi phát xít Nhật vào Đông Dương. Cuộc sống của người công nhân lâm vào hoàn cảnh bế tắc. Trước tình hình đó, Ủy viên Ban quản trị các đồn điền phối hợp với chính quyền cách mạng đi vận động công nhân tăng gia sản xuất, trồng khoai, chăn nuôi heo, gà vịt để chống đói và đã trở thành phong trào phát triển rộng khắp trong các đồn điền. Đồng thời, việc tăng cường phòng thủ, sẵn sàng ứng chiến với kẻ thù được đặc biệt chú trọng trong hầu khắp các đồn điền.

Để giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ thành quả cách mạng công nhân thành lập lực lượng tự vệ đồn điền trên cơ sở phát triển lực lượng Thanh niên Tiên phong đồn điền, xí nghiệp có từ trước Cách mạng Tháng Tám. Hầu hết các đồn điền đều có lực lượng tự vệ từ một đến bốn tiểu đội được trang bị súng trường, súng săn, giáo mác. Các đội tự vệ thường xuyên luyện tập quân sự, canh gác

và tuần tra bảo vệ vườn cây, nhà máy, công xưởng.

Cuộc sống mới đã được khởi sắc ở các nơi trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp. Ở khắp các làng, xã, buôn, sóc cuộc vận động mở lớp học xóa mù chữ được nhân dân hưởng ứng sôi nổi, nhiều người dân nghèo thất học đã biết đọc, biết viết. Trong nhiều đồn điền Xa Cam, Xa Trạch, Quản Lợi, Ban quản trị công nhân phát động phong trào xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc; công nhân lương - giáo, Kinh - Thượng xóa bỏ hiềm khích cùng bắt tay đoàn kết xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới.

Từ sau Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945, công nhân cao su trực tiếp làm chủ nhà máy, kho tàng, công sở, vườn cây. Các tổ chức đoàn thể cách mạng ra đời. Lực lượng tự vệ công nhân hình thành hoạt động sôi nổi. Tất cả đã làm thay đổi bộ mặt của các đồn điền cao su.

Để bảo vệ chính quyền mới của cách mạng, ở khắp các làng, xã trong vùng bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà vấn đề tổ chức đơn vị vũ trang được đặt ra. Dựa trên cơ sở những tổ chức quần chúng có vũ trang trong Tổng khởi nghĩa và sự tập hợp tự nguyện của đông đảo công nhân, nông dân sau này, hàng loạt các đơn vị vũ trang tập trung được hình thành và phát triển nhanh chóng, với quân số, trang bị vũ khí và tên gọi chưa thống nhất. Lực lượng vũ trang nhân dân mang những tên gọi như: tự vệ, du kích, dân quân, thanh niên cứu quốc quân, cộng hòa vệ binh, tự vệ chiến đấu quân lần lượt ra đời thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân địa phương tham gia. Một số lực lượng được trang bị súng ống đủ loại chủ yếu là của Pháp và Nhật.

Còn lại là vũ khí thô sơ, tầm vông, dao, kiếm và mũ sắt Nhật. Nhiệm vụ chủ yếu của những tổ chức này là mở kho lương thực, thực phẩm của giặc phân phát cho dân nghèo; thu gom vũ khí quân trang của giặc để trang bị cho ta; xây dựng và huấn luyện lực lượng vũ trang; vận động bà con tăng gia sản xuất, chăn nuôi để chống đói, tích cực vận động xóa mù chữ trong nhân dân, bảo đảm hệ thống giao thông an toàn, thông suốt; tiết kiệm trong việc chi tiêu hàng ngày; đề cao cảnh giác với địch, bảo đảm an toàn cho bộ máy chính quyền cách mạng. Tuy lực lượng vũ trang trên địa bàn Hớn Quản, Bù Đốp số lượng không nhiều, trang bị vũ khí kém, phức tạp về mặt tổ chức, thế nhưng tuyệt đại bộ phận là những cán bộ, chiến sĩ yêu nước được giáo dục, rèn luyện trong đấu tranh cách mạng, trưởng thành từ trong phong trào khởi nghĩa toàn dân. Trước yêu cầu của chính quyền cách mạng, các lực lượng vũ trang được khẩn trương xây dựng, củng cố về tổ chức, biên chế, trang bị và lãnh đạo chỉ huy. Đây là lực lượng chính trị hùng hậu, là nguồn sức mạnh to lớn giữ vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc bảo vệ chính quyền nhân dân, chủ quyền dân tộc. Tuy kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều, trang bị còn thiếu thốn, nhưng lực lượng chính trị hùng hậu này sẽ đóng góp một phần quan trọng trong việc bảo vệ chính quyền cách mạng và là tiền đề thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Mỗi đồn điền trong quận Hớn Quản ngoài lực lượng tự vệ, còn tổ chức ra một lực lượng vũ trang mới đầu gọi là Vệ quốc quân, sau đổi là Vệ quốc đoàn. Tại đồn điền Xa Cam, đã tuyển lựa những trai tráng khỏe mạnh ở các làng, sở

lập ra một đại đội với quân số khoảng 200 người, vũ khí trang bị có súng gỗ gắn lưỡi lê, súng hai nòng, tên ná-rung mua của đồng bào dân tộc thiểu số, có cả một súng mát cơ tông lấy được của Nhật do một lính Nhật ở Xa Cam trốn ra theo ta giao nộp. Ở Lộc Ninh, chính quyền cách mạng phân công đồng chí Lê Đức Anh phụ trách quân sự trực tiếp tổ chức lực lượng Vệ quốc đoàn. Lực lượng này thu hút hàng ngàn thanh niên tích cực trong các làng cao su, nhưng vì vũ khí có ít nên không sung vào đội ngũ hết được.

Số thanh niên trên địa bàn bắc Thủ Dầu Một được tuyển biên chế thành các tiểu đội, trung đội, đại đội Vệ quốc đoàn có quân phục là quần áo bà ba màu nâu, mũ calô xanh, giày cao su. Do lực lượng này mặc đồng phục nâu nên được gọi là "bộ đội áo nâu" hay "đội quân áo nâu". Đây là đội quân gồm công nhân cao su, đồng bào dân tộc thiểu số. Hầu như vũ khí chỉ là giáo mác, tầm vông vạt nhọn.

Đồn điền cao su ở Thuận Lợi, lực lượng "Việt Nam mới" của đồng bào dân tộc ít người như S' tiêng, M' nông, Ch' Ro được duy trì, tăng cường và trang bị thêm vũ khí, song hầu hết vẫn là cung tên nên lực lượng này được gọi là "đội quân cung tên".

Giữa tháng 9 năm 1945, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập trường Huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở miền Đông, hay còn gọi là Trại du kích Vĩnh Cửu do đồng chí Phan Đình Cống trực tiếp quản lý. Hàng trăm thanh niên tự vệ chiến đấu, công nhân, nông dân khắp nơi đã đến tham gia khóa học. Các chiến sĩ được huấn luyện vừa

biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị; vừa biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận. Hầu hết các học viên của trường sau này đều là những cán bộ nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang ở các địa phương trong đó có quận ở bắc Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

Đến đầu năm 1946, tổ chức Quốc gia tự vệ cuộc tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập, do ông Hồ Văn Nâu làm Trưởng ban. Quốc gia tự vệ cuộc có khoảng một tiểu đội bao gồm những thanh niên Tiền phong cũ và một số thanh niên khác tự nguyện tham gia, được trang bị các loại vũ khí tự tạo thô sơ như: gươm giáo, cung tên, tầm vông vạt nhọn, các loại vũ khí cướp được của địch (súng trường mót cơ tông của Nhật, lựu đạn, súng hai nòng). Mục tiêu của tổ chức này là diệt ác trừ gian, và phát triển lực lượng để sẽ đảm đương những nhiệm vụ to lớn, nặng nề hơn.

Trong điều kiện vừa giành được chính quyền, những người lãnh đạo cách mạng ở Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp đã phải đối phó ngay với nhiều kẻ thù cùng một lúc, và giải quyết thành công hàng loạt nhiệm vụ hết sức cấp bách như: thành lập hệ thống chính quyền và đoàn thể cách mạng, hình thành các đơn vị vũ trang, chống lại âm mưu của một số phần tử phản động thân Pháp, bảo đảm an toàn cho nhân dân. Đó là những nhân tố quan trọng để quân và dân Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp chủ động bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

*

* *

Trong khi chính quyền mới còn gặp muôn vàn khó khăn về mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự..., thì đêm 22

rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, với trên 5.000 lính Nhật được sự hỗ trợ của quân Đồng minh Anh, thực dân Pháp bất ngờ nổ súng tiến công vào các cơ quan hành chính Nam Bộ và những cứ điểm quan trọng trong thành phố Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa.

Sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, Xứ ủy Nam Kỳ họp quyết định thành lập Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch và phát động nhân dân đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngay chiều ngày 23 tháng 9, Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ đã phát đi lời kêu gọi: "Hỡi đồng bào! Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng".

Theo lệnh của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, khắp nơi trong thành phố Sài Gòn nhân dân cùng với công nhân các công sở, nhà máy, xí nghiệp thực hiện triệt để chủ trương không hợp tác với địch. Mặt trận nội ô và xung quanh thành phố Sài Gòn dần dần hình thành bốn mặt trận bao vây quân địch. Cuộc chiến đấu diễn ra ngày càng ác liệt.

Trước hành động tái xâm lược của thực dân Pháp và cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương góp sức người và của với Sài Gòn - Chợ Lớn để ngăn chặn sự lấn chiếm của địch, chuẩn bị sẵn sàng đánh địch tại chỗ nếu chiến sự lan đến địa phương. Người dân khắp nơi sôi sục khí thế vào trận: "Mùa thu rồi ngày hăm ba, ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến. Rền khắp trời lời

hoan hô, dân quân Nam nhíp chân tiến ra trận tiền. Thuốc súng kém, chân đi không mà lòng người giàu lòng vì nước. Nóp với giáo mang ngang vai nhưng thân trai nào kém oai hùng”¹.

Và ngày 26 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi: “Tôi tin và đồng bào cả nước đều tin vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ... Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân”².

Máu chảy ruột mềm, cả nước dấy lên phong trào sôi nổi ủng hộ miền Nam kháng chiến. Hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ lập “Phòng Nam Bộ” ghi tên những người tình nguyện vào Nam giết giặc. Khắp nơi diễn ra mít tinh, biểu tình, biểu thị quyết tâm kháng chiến. Đông đảo công nhân, nông dân, học sinh, sinh viên, viên chức... tự nguyện lên đường chiến đấu. Chỉ trong một thời gian ngắn, các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ tổ chức mỗi tỉnh từ một đến hai chi đội (tương đương trung đoàn hoặc tiểu đoàn) Nam tiến. Với sức mạnh của nhân dân cả nước đứng lên đánh giặc, ngay trong tuần lễ đầu, đã gây cho giặc Pháp nhiều khó khăn và tổn thất.

Nhận thức rõ tình hình đất nước có chiến tranh, Cùng với nhân dân cả nước, từ Hớn Quản, Lộc Ninh một đoàn xe tải chở thanh niên chiến đấu theo quốc lộ

1. Bài hát “*Nam Bộ kháng chiến*” của Tạ Thanh Sơn (T.G).

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr. 27.

13 tiến về Sài Gòn, chỉ viện cho trận tuyến Miền Đông. Đây là những chiến sĩ được tuyển chọn từ "đội quân áo nâu" và một "bộ phận tên nã" trong "đội quân cung tên" do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy. Với số lượng gần một đại đội, vũ khí ít (chỉ có vài khẩu súng lấy được của Nhật, Pháp trong thời gian khởi nghĩa, còn phần lớn là súng gỗ gắn lưỡi lê và giáo mác, cung tên), song đội quân lên đường với lòng căm thù giặc sâu sắc và ý chí quyết tâm chiến đấu đến cùng "thà chết tự do còn hơn sống nô lệ" .

Tại mặt trận cầu Bến Phân (Hóc Môn), hoạt động của đội quân áo nâu, đội quân cung tên ở Hóc Quản, Lộc Ninh đã góp phần làm cho binh lính, sĩ quan sư đoàn thuộc địa số 9 của Pháp phải vất vả chống đỡ.

Mặc dù với những vũ khí thô sơ, thiếu kinh nghiệm chiến đấu nhưng các chiến sĩ, công nhân cao su, đồng bào bắc Thủ Dầu Một đã chiến đấu anh dũng cùng với quân và dân Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định bao vây chặt quân địch trong thành phố. Nhiều người đã anh dũng hy sinh trên các chiến hào xung quanh thành phố.

Cùng với các chiến sĩ đánh giặc ở Sài Gòn, khắp nơi trong tỉnh Thủ Dầu Một phong trào quyên góp ủng hộ bộ đội đánh Pháp diễn ra sôi nổi. Lương thực, thực phẩm và các vật dụng khác của nhân dân, công nhân cao su và đồng bào dân tộc thiểu số ở Hóc Quản, Lộc Ninh chuyển về ngoại vi Sài Gòn, góp phần quan trọng bảo đảm nguồn lương thực, thực phẩm cho các lực lượng vũ trang chiến đấu bao vây địch.

Từ giữa tháng 10 năm 1945, sau khi tăng thêm viện binh, quân Pháp với sự hỗ trợ của quân Anh bắt đầu tổ chức các cuộc lấn chiếm ra ngoài vi Sài Gòn. Dấu hiệu chúng sẽ mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Trong đó các quận bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà cũng trở thành một trong số những mục tiêu bị đánh chiếm trong kế hoạch của thực dân Pháp.

Vì thế, đồng thời với hoạt động đánh địch tại mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn, công tác chuẩn bị đánh địch tại chỗ được xúc tiến mạnh mẽ trên khắp địa bàn bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà.

Ở tất cả các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Xa Cát, Xa Cam lực lượng tự vệ và công nhân cao su tích cực chuẩn bị vũ khí, phương án sẵn sàng chiến đấu. Tại những vị trí hiểm yếu đều có các phân đội tự vệ công nhân cao su luân phiên canh gác ngày đêm. Các đội tự vệ người Kinh và đồng bào Thượng chuẩn bị tên nã tầm thuốc độc, bùi nhùi, bố trí phục kích chặn đánh địch.

Trong đồn điền cao su Thuận Lợi, công nhân cao su Nguyễn Đình Kính vận động, tổ chức đội thanh niên tự trang bị vũ khí, hăng hái luyện tập quân sự. Hội phụ nữ cứu quốc cũng vận động được nhiều chị em tham gia bảo vệ đồn điền dưới sự điều hành của Ủy ban nhân dân Thuận Lợi.

Các đội thanh niên cách mạng ở Hớn Quản được trang bị dao găm, gậy tầm vông, dây thừng thường xuyên luyện tập. Đội thanh niên có nhiệm vụ tuần tra,

canh gác, khi có vấn đề xảy ra thì thổi tù và báo động.

Trên quốc lộ 13 từ Chơn Thành đến Lộc Ninh, chính quyền cách mạng huy động hàng ngàn dân cùng với bộ đội và tự vệ các xã ra đào đường, đốn cây, lập chướng ngại vật, bố trí các trận địa để ngăn chặn bước tiến của quân xâm lược.

Tại các đồn điền, làng sở, công nhân được chỉ đạo chuyển kho tàng ra rừng, đồng thời phá hủy các cơ sở sản xuất còn lại của địch, đưa dân ra khỏi các vị trí có khả năng địch sẽ tới chiếm. Ngoài ra còn vận động nhân dân thực hiện "vườn không nhà trống", đồng thời tiến hành chặt cây, phá đường nhằm gây khó khăn cho quân địch. Cuộc vận động này được đông đảo bà con hưởng ứng. Một phong trào bất hợp tác với địch phát triển rầm rộ và lan nhanh khắp các đồn điền.

Lực lượng Vệ quốc đoàn của các đồn điền được lệnh rút vào rừng, di chuyển theo tài sản lương thực để sinh sống và chờ lệnh trên triển khai kháng chiến. Lúc này Ủy ban hành chính, lực lượng cách mạng cùng nhân dân tạm thời rút vào rừng tránh sự đàn áp và khủng bố của địch, đồng thời xây dựng cơ sở vững chắc cho cuộc kháng chiến về sau.

Khi cuộc kháng chiến lan đến địa bàn các quận bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà, nhân dân nơi đây đã hăng hái thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống mới và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến, từ xây dựng lực lượng vũ trang cho đến việc tổ chức bố trí chặn đánh địch. Với tinh thần chủ động đó, đến trước khi những đạo quân viễn chinh

Pháp sử dụng xe thiết giáp tiến chiếm các đồn điền cao su thì quân dân địa phương đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Đó là bước chuẩn bị ban đầu có ý nghĩa đặt tiền đề quan trọng cho công cuộc kháng chiến đã cận kề.

II. BÌNH PHƯỚC KHÁNG CHIẾN, XÂY DỰNG VÀ CƯỜNG CỐ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Ngày 23 tháng 10 năm 1945, binh đoàn kỵ binh thiết giáp của đại tá Mát Xuy (Massu) đến Sài Gòn, đưa tổng số quân Pháp tại Sài Gòn lên tới 6.000, không kể 20.000 quân Anh và 40.000 quân Nhật. Có thêm viện binh, Leclerc bắt đầu tổ chức các cuộc tiến công chọc thủng vòng vây xung quanh Sài Gòn, lần lượt đánh chiếm các tỉnh Miền Đông và Miền Tây Nam Bộ.

Trong các ngày từ 23 đến 25 tháng 10 năm 1945, quân Pháp đánh chiếm Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Sau đó, chúng lần lượt đánh chiếm thị trấn Bến Cát cùng nhiều nơi khác dọc trên đường 13. Binh đoàn bộ binh cơ giới Pháp do đại tá Mátxuy (Massu) chỉ huy sau khi chiếm Tây Ninh, đã tiến lên phía bắc mở đường vào vùng đồng bào các dân tộc và các đồn điền cao su của Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp. Tại đoạn Chơn Thành - Lộc Ninh, địch tổ chức tiến chiếm nhưng đều bị lực lượng ta đánh tiêu hao, buộc phải tạm lui.

Thấy được tầm quan trọng của địa bàn Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp nơi tập trung nhiều các đồn điền cao su như: Lộc Ninh, Hớn Quản, Thuận Lợi, Đa Kia, Bù Đốp... một

nguồn nguyên liệu đem lại giá trị kinh tế to lớn mà các nước phát triển đều muốn giành độc quyền trên thị trường thế giới nên việc bình định và phục hồi sản xuất ở các đồn điền trở thành mục tiêu chính của thực dân Pháp. Không những thế, nơi đây còn là vùng có vị trí chiến lược rất lợi hại về quân sự. *Một mặt*, là địa bàn rừng núi, dân cư thưa thớt phân bố không đều, lương thực thực phẩm khan hiếm, giao thông liên lạc khó khăn, vì thế, các đồn điền cao su dễ trở thành những trung tâm tiếp tế, cung cấp mọi nhu cầu cho kháng chiến. *Mặt khác*, lại là nơi có đường xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh; với các trục đường giao thông chiến lược quan trọng như quốc lộ 13, quốc lộ 14 chạy dài từ Bắc đến Nam nối liền Bình Phước với các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và Campuchia. Do đó, hơn hai tháng sau ngày chiếm Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 12 năm 1945, quân Pháp được quân Anh yểm trợ mở cuộc tiến công với quy mô lớn, chia làm hai hướng đánh chiếm vùng cao su ở Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp. Hướng thứ nhất từ thị xã Thủ Dầu Một đánh lên, hướng thứ hai từ thị xã Tây Ninh đánh qua tạo thành hai gọng kìm hồng tiêu diệt lực lượng ta. Mục tiêu của chúng là khai thông và kiểm soát hoàn toàn các địa điểm nằm dọc theo quốc lộ 13, cùng với các đồn điền cao su rộng lớn ở Hớn Quản, Lộc Ninh. Tuy nhiên, địch liên tiếp đụng phải chướng ngại vật và trận địa phục kích của du kích trên quốc lộ 13. Lực lượng công nhân cao su cùng nhân dân lao động, đồng bào dân tộc thiểu số chỉ có vũ khí thô sơ đã chống trả quyết liệt, ngăn chặn từng bước tiến của kẻ thù, tiêu diệt và làm bị thương một số tên địch.

Nhưng sau một thời gian cầm cự, do lực lượng quá chênh lệch giữa một bên là quân đội viễn chinh nhà nghề được trang bị vũ khí hiện đại với một bên là những người công nhân cao su và du kích địa phương chỉ với gậy gộc, giáo mác, tầm vông vạt nhọn, nên nhiều anh chị em đã anh dũng hy sinh để bảo vệ chính quyền vừa mới giành được. Cuối cùng lực lượng cách mạng cùng nhân dân tạm thời rút vào rừng tránh sự vây ráp, khủng bố của địch để bảo toàn lực lượng. Tuy nhiên, do lực lượng chênh lệch đến tháng 2 năm 1946, hầu hết các địa phương, các đồn điền cao su đều bị thực dân Pháp đánh chiếm.

Ngày 8 tháng 11 năm 1945, quân Pháp đánh chiếm các đồn điền cao su dọc lộ 13, 14. Ngày 12 tháng 12, chúng chiếm Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp.

Sau khi quân Pháp chiếm đóng Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp, chúng lập lại tề xã, các đồn bốt, chi khu, cứ điểm quân sự tại các trung tâm đồn điền, các làng công nhân và dọc các đường giao thông, quốc lộ 13, quốc lộ 14.

Tại đồn điền Thuận Lợi, trừ lực lượng cơ động ứng chiến, có trên một trung đội lính bảo vệ văn phòng chủ sở, các làng công nhân đều có đồn bốt do lính Maroc được trang bị vũ khí đầy đủ canh giữ. Đồn điền Thuận Lợi trở thành một căn cứ quân sự của địch với nhiều đồn bốt xung quanh, sẵn sàng chi viện cho các địa bàn khác.

Ở Hớn Quản có tên Hai Tác, nguyên Ủy viên Ủy ban hành chính Hớn Quản đã phản bội, làm chỉ điểm cho Pháp bắn chết một số cán bộ chủ chốt của cách mạng như đồng chí Vị là đảng viên phụ trách quận bộ hành chính, đồng

chí Nghĩa là ủy viên quân sự Ủy ban hành chính. Trung bình, tại mỗi đồn điền, địch đóng một chi khu quân sự với lực lượng thường trực khoảng 2 đại đội, gồm cả lính Âu Phi và lính Cao Miên. Những nơi lập được bộ máy kìm kẹp, chúng ra sức dụ dỗ, mua chuộc thanh niên đi lính cho chúng. Theo chân bọn lính viễn chinh, các chủ công ty đồn điền quay trở lại chiếm đoạt các đồn điền cao su cũ, phục hồi sản xuất. Quân đội Pháp cấu kết với bọn chủ đồn điền xây dựng các đồn điền cao su thành cơ sở quân sự và hậu cần, vừa bảo vệ an ninh tại chỗ, đồng thời làm bàn đạp bao vây và phong tỏa kinh tế các vùng căn cứ của ta. Chỉ riêng ở khu vực Đồng Xoài, Pháp thường xuyên duy trì hơn một tiểu đoàn, đóng đồn bốt khắp các khu vực dọc đường 14 từ Phước Hòa, Phước Vĩnh, Đồng Xoài đến quận lỵ Bà Rá.

Thực dân Pháp đẩy mạnh khủng bố và tăng cường các tổ chức tề điệp. Chúng tụ tập bọn tay chân là chủ đồn điền, tay sai ác ôn bị Nhật bắt giam trước đây, tổ chức lại bộ máy cai trị địa phương và thi hành hàng loạt các cuộc bắn giết trả thù, và khủng bố những người tham gia cách mạng, tham gia tổ chức Thanh niên Tiền phong khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, tham gia lực lượng tự vệ công nhân, các đảng viên cộng sản; đồng thời lũng bắt công nhân, buộc họ trở lại công sở làm việc cho chúng.

Ngoài các đồn bốt, tháp canh, chi khu quân sự dùng để đàn áp và khủng bố công nhân, nhân dân cách mạng, quân viễn chinh Pháp còn dùng một công cụ khác không kém phần dã man nhằm đối phó với những người yêu nước

cách mạng, đó là các trại tù. Đây là nơi lưu đầy dân phu cao su bỏ trốn hoặc những người mà chúng cho là "nổi loạn". Những người bị bắt giam phần lớn là những cán bộ cách mạng. Mọi tù nhân đều chịu chung số phận đọa đầy tàn nhẫn. Nhưng cũng chính trong thời gian bị giam cầm ở đây, họ đã biến trại tù thành trường học cộng sản, ngày đêm trau dồi đạo đức cách mạng. Khi có cơ hội là họ đào thoát trở về làm cách mạng triệt để hơn.

Dã man nhất là trận đàn áp ở đồn điền Kinkina thuộc Công ty CEXO (Lộc Ninh). Trong vài giờ, chúng đã bắn chết hàng trăm người, đốt trụi hàng trăm ngôi nhà. Cả làng công nhân chỉ còn một phụ nữ và một cháu bé 11 tuổi. Những vụ thảm sát này nằm trong hàng loạt hành động giết sạch, đốt sạch, phá sạch tại các trận càn của địch ở vùng nông thôn.

Do không có phương tiện sinh sống, lại bị địch ruồng bỏ càn quét liên miên, một số công nhân cao su, một lần nữa trở lại cuộc sống lao động làm thuê cho tư bản thực dân Pháp. Người công nhân đã phải chua chát thốt lên rằng:

"Trời cao cao mây từng mây

Trời cao có thấu nỗi này cho chăng?"

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, ngay từ đầu năm 1946, thực dân Pháp xây dựng những đội quân địa phương để bảo vệ cầu đường và căn cứ quân sự. Chúng dùng nhiều thủ đoạn lừa mị, mua chuộc, dụ dỗ hòng phá vỡ phong trào kháng chiến cứu nước của đồng bào ta. Nhưng chúng bị thất bại, đồng bào không theo giặc Pháp. Chúng lại giở thủ đoạn đốt sạch, phá sạch các buôn làng, tăng cường bóc

lột đồng bào, khoét sâu mâu thuẫn Kinh – Thượng. Thâm hiểm hơn, chúng kích động đồng bào dân tộc thiểu số bắn giết cán bộ người Kinh, lấy đầu cán bộ đem đến đồn Pháp đổi lấy muối, vải. Ban đầu chúng treo giá 3 lít muối và 1 lít vải (xấu) cho mỗi cán bộ bị giết. Sau chúng nâng lên thành 20 lít rồi cả bao muối và vải. Cuối cùng chỉ cần cắt được tai cán bộ nộp cho Pháp thì vẫn được thưởng một bao muối và vải vóc¹. Đồng thời chúng mua chuộc và tổ chức điểm chỉ viên và gián điệp để cung cấp tin tức cho chúng, chống lại ta.

Cùng với âm mưu chia rẽ về chính trị, tăng cường quân sự, thực dân Pháp còn bao vây ta về kinh tế hòng làm cho cán bộ chiến sĩ và đồng bào ta không có phương tiện sinh sống, đói rét, thiếu thuốc chữa bệnh và nhiều nhu yếu phẩm khác.

*

* *

Tất cả các hành động nêu trên của địch đã gây không ít khó khăn cho ta từ cuối năm 1945 và cả trong năm 1946. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Thủ Dầu Một, quân và dân các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp, đã kiên cường từng bước vượt qua mọi khó khăn, duy trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ủy ban kháng chiến Nam Bộ “Hỡi anh em binh sĩ, dân quân, tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay xông lên đánh

1. Xem: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1 (1930-1945)*, Ban Thường vụ tỉnh ủy Sông Bé xuất bản, 1995, tr. 49.

đuổi thực dân Pháp, cứu nước” nhân dân các quận bắc Thủ Dầu Một hăng hái đứng lên kháng chiến.

Trước thế tấn công áp đảo của địch, huyện lỵ, đồn điền cao su bị chiếm, các cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang phải phân tán, rút lui ra nhiều hướng. Ngay từ những ngày 21, 22 tháng 10 năm 1945, do nắm được ý đồ của thực dân Pháp sẽ lần chiếm tỉnh lỵ, các cơ quan tỉnh đã rút khỏi thị xã Thủ Dầu Một, dời ra vùng nông thôn để bảo toàn lực lượng và tổ chức chiến đấu. Thực hiện chỉ thị “triệt để bãi chợ, bãi công và tiêu thổ kháng chiến” của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ và theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, hầu hết các gia đình công nhân, nông dân đều tản cư vào các xóm ấp ven đồn điền hoặc các vùng rừng núi. Công nhân đồn điền Thuận Lợi chuyển về Phước Long; công nhân đồn điền Quản Lợi di chuyển đến các điểm ở phía đông Sông Bé; công nhân cao su Xa Cam, Xa Cát chuyển vào khu vực giáp phía đông sông Sài Gòn. Trong các đồn điền, làng sở, nhân dân được chỉ đạo chuyển kho tàng tài liệu, máy móc vào rừng.

Ở vùng Lộc Ninh, Hớn Quản, ngay sau khi các gia đình công nhân tản cư, kho tàng cũng được đưa đến các nơi an toàn, lực lượng tự vệ đồn điền và bộ đội tiến hành phá hủy các cơ sở sản xuất còn lại: đập phá máy móc, đốt các kho chứa mủ cao su, lửa cháy âm ỉ suốt cả tuần lễ, vườn cây bị bỏ hoang trong nhiều tháng. Phong trào bất hợp tác với địch lan nhanh trong nhân dân, với khẩu hiệu “không làm cho giặc Pháp, không tiếp tế cho Pháp, không mua bán với Pháp, không dẫn đường cho Pháp”.

Các lực lượng dân quân được phân công bám các trục

lộ giao thông, ven các làng xã diệt địch, trừ việt gian. Ban đêm những lực lượng này thường đột nhập vào những vùng địch chiếm đóng, bắn phá các đồn bốt địch, ban ngày rút ra ngoài phục kích.

Đầu tháng 12 năm 1945, lực lượng "đội quân áo nâu" (thành phần chủ yếu là lực lượng vũ trang chiến đấu của Quản Lợi, đồn điền Xa Cam, Xa Cát) đóng quân ở sóc Tà Bái, bắc Sông Bé, huy động 2 phân đội đánh lính Nhật Bản ở làng sở Sóc Xiêm, thu 1 súng và một số lựu đạn, đồ dùng quân sự.

Ngày 10 tháng 12 năm 1945, cũng lực lượng ở Tà Bái với hơn 1 đại đội khoảng 150 người được trang bị 2 đại liên 12 ly 7 và 13 ly 2, một trung liên và 20 súng trường đã đánh phục kích quân Pháp ở bìa sở cao su XACO 28 thuộc đồn điền Quản Lợi. Hai ngày sau, ta lại tổ chức hai phân đội phối hợp với lực lượng vũ trang ở đông Bù Ka (phía đông sông Bé giáp với Bù Nho) đánh lính Nhật ở làng 2 đồn điền Đa Kia. Cùng với hoạt động của cánh quân ở Tà Bái, cánh quân ta ở Bù Nho cũng đột nhập vào Xecvixơ Ténich (Service Technique) diệt tên việt gian chỉ điểm. Lúc này "đoàn quân áo nâu" của công nhân cao su Lộc Ninh do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy, đi chi viện cho mặt trận Sài Gòn, sau khi mặt trận này bị vỡ, đã rút về trấn giữ cầu Bến Phên Thủ Dầu Một, cũng được lệnh rút về xã Chánh Phú Hòa để củng cố và tăng cường lực lượng.

Giữa tháng 12 năm 1945, quân Pháp bung ra tiến công quân ta ở mạn đông sông Bé. Chúng triển khai lực lượng ở bờ tây sông Bé tổ chức vượt sông. Quân ta nổ súng chống cự, giết và làm bị thương 3 tên, sau đó tổ chức rút lui bảo

toàn lực lượng. Sau trận đánh này, các đơn vị vũ trang chiến đấu nhận lệnh rút về phía nam, vượt qua khu rừng phía tây Đồng Xoài về Phước Sang hợp lực với lực lượng chiến đấu do đồng chí Lê Đức Anh chỉ huy. Toàn bộ lực lượng kéo về Bình Mỹ – Bình Cơ bàn việc chấn chỉnh lại bộ đội, lo nguồn tiếp tế hậu cần, chuẩn bị cho đợt chiến đấu tiếp theo.

Tại Bù Đốp, đơn vị vũ trang ta đã đánh một trận giao thông vang dội trên quốc lộ 13. Đoàn xe quân sự của địch gồm 5 chiếc GMC, mỗi chiếc chở 30 lính Pháp đã lọt vào trận địa mìn và ổ phục kích của ta. Hai xe bị trúng mìn bốc cháy, 3 xe bị ta bắn bị thương, 60 tên địch bị giết. Ta làm chủ trận địa, thu nhiều vũ khí của địch để lại. Đối với giặc Pháp và tay sai, quốc lộ 13 được xem là “con đường đầy máu và nước mắt”.

Trước sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến, giặc Pháp bắt đầu hoảng sợ; do đó chúng mở các cuộc khủng bố, tàn sát dã man đồng bào, lùng bắt và giết anh em cán bộ hòng dập tắt làn sóng đấu tranh của nhân dân. Ngày 20 tháng 12 năm 1946, chúng đã bắt và giết ông Ngô Tấn Nghi, bà Năm Phòng, bà Ba Cát¹... Chúng cho ném xác bà Ba Cát xuống Cầu Đức, cho quân canh giữ cẩn thận hòng giết những người đến lấy xác, đốt cháy rụi xóm Cầu Suối Đôi (Chơn Thành), giết ông Ngô Tấn Vĩnh, Ngô Tấn Ký². Cùng

1. Tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành ngày nay (T.G).

2. Hai người này là em của ông Ngô Tấn Nghi (T.G).

lúc, tên quan tư Moks chỉ huy lực lượng Pháp chiếm đóng Chơn Thành kết hợp với tên cò Ma Hu ở Hồn Quán tổ chức một cuộc vây ráp từ Hồn Quán xuống, từ Chơn Thành lên, tạo thành gọng kìm vây chặt xã Tân Quang. Trước tình thế đó lực lượng Thanh niên cứu quốc của xã phải rút vào rừng để bảo toàn lực lượng. Quân của tên cò Ma Hu bắt dân đưa về làm phu cho bọn chủ tư bản Pháp ở Hồn Quán. Còn tên Mosk cũng vây bắt một nửa số dân xã Tân Quang về Chơn Thành, đồng thời bắn chết 4 người mà hắn cho là Việt Minh, đó là ông Lầu, ông Năm Nghiêm, ông Giỏi, ông Gặp. Ngoài ra tên Moks còn cho một cánh quân đánh vào khu vực Tàu Ô đốt sạch nhà cửa của bà con, bắn chết ông Hai Dâu, ông Tú, ông Bảy, ông Rừng, ông Gồng¹.

Tại Xa Cát và Xa Trạch cơ sở bị lộ, Pháp bắt một số người tra tấn, đánh đập. Trong số anh em công nhân bị bắt có anh xu Cảnh ở Xa Cát và một người nữa ở Xa Trạch bị địch xử tử hòng răn đe phong trào kháng chiến. Bị khủng bố bất ngờ, phong trào lắng xuống nhất là tầng lớp xu, ký tỏ ra hoảng sợ. Việc đi lại hoạt động hợp pháp gặp khó khăn, nhiều anh em ở các cơ sở phải thoát ly ra rừng như anh Mai (Nguyễn Hữu Mai) ở Xa Cát, anh Phê, anh Năng ở Xa Cam, anh Năm Thành (Nguyễn Khắc Thành) ở Xa Trạch...

Trước sự tấn công ồ ạt của giặc Pháp, tổ chức cách mạng trong buổi đầu còn non trẻ, gặp không ít khó khăn.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bình Long: *Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân huyện Bình Long*, 1988, tr.70.

Cán bộ nòng cốt một số hy sinh, một số tản mát khắp nơi. Hàng chục công nhân bị bắt bớ, tù đầy. Thanh niên tự vệ chiến đấu rút ra rừng, chưa được củng cố, tổ chức lại. Bà con công nhân sau một thời gian sơ tán, vì cuộc sống buộc phải trở lại các đồn điền tiếp tục làm việc. Tuy vậy, các cán bộ cách mạng vẫn kiên cường bám trụ, tổ chức cơ sở, lãnh đạo nhân dân, công nhân đấu tranh, tham gia kháng chiến. Khí thế cách mạng vẫn ngày một lên cao.

*

* *

Diễn biến chiến sự ở Nam Bộ càng thêm nóng bỏng sau khi quân Pháp triển khai chiếm đóng một số tỉnh xung quanh Sài Gòn. Công cuộc kháng chiến đang đứng trước những thử thách mới, đòi hỏi sự lãnh đạo nhạy bén, đúng hướng và kịp thời của Trung ương đối với các tỉnh Nam Bộ.

Để giữ vững chính quyền cách mạng, một trong những vấn đề cơ bản mà Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một quan tâm là vấn đề củng cố tổ chức, chấn chỉnh và hoàn thiện để xây dựng, phát triển lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang.

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập hội nghị mở rộng tại Cái Bè (Mỹ Tho) do đồng chí Hoàng Quốc Việt chủ trì. Hội nghị đề ra nhiệm vụ lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến và quyết nghị một số biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của cuộc kháng chiến. Đó là chấn chỉnh tổ chức, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong từng cấp ủy địa phương, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, trước hết là việc xây dựng lực lượng vũ trang. Hội nghị xác định nguyên

tắc: quân đội cách mạng phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, ngày 10 tháng 12 năm 1945, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị mở rộng tại một xã bên sông Vàm Cỏ Đông. Hội nghị quyết định giải thể Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban kháng chiến Miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch, chia Nam Bộ thành ba khu 7, 8, 9. Khu 7 được thành lập gồm: Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Tây Ninh, do Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng; Dương Văn Dương làm Khu bộ phó; Trần Xuân Độ làm Chính trị bộ chủ nhiệm. Hệ thống lãnh đạo của Đảng và hệ thống quân sự được thống nhất từ trên xuống, đã có tác dụng to lớn trong việc củng cố xây dựng các lực lượng vũ trang ở các địa phương.

Tiếp đó, ngày 20 tháng 11 năm 1945, đồng chí Nguyễn Bình với danh nghĩa phái viên của Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự Nam Bộ tại xã An Phú (Hóc Môn - Gia Định) nhằm thống nhất quân đội, thống nhất chỉ huy và vạch chương trình hành động, phân chia khu vực hoạt động cho các đơn vị vũ trang và nhấn mạnh đến việc đoàn kết toàn dân, đoàn kết các giáo phái, chống lại chính sách chia rẽ lương giáo của địch.

Về mặt quân sự, các đơn vị vũ trang khẩn trương tập hợp lực lượng, nhiều đơn vị xây dựng thành tổ chức cấp chi đội (tương đương trung đoàn ngày nay). Hội nghị dự kiến tập trung các lực lượng vũ trang, tổ chức thành 25 chi đội lấy tên từ 1 đến 25 (tương đương trung đoàn).

Chi đội vũ trang của tỉnh Thủ Dầu Một ra đời lấy tên là

Chi đội 1 do Huỳnh Kim Trường làm chi đội trưởng, Nguyễn Văn Thi làm chi đội phó, Vương Anh Tuấn, chính trị viên đã làm lễ ra mắt ở chiến khu An Sơn vào tháng 12 năm 1945. Chi đội 1 bao gồm nhiều thành phần tham gia: công nhân, nông dân, viên chức, trí thức, giáo viên, học sinh, Thanh niên Tiền phong và một số lính Nhật,... Với tổng số 800 cán bộ, chiến sĩ được trang bị 80 súng trường, 10 súng phun lửa, 1 súng máy, 100 lựu đạn, 5 súng lục và nhiều đạn dược. Trên thực tế, các lực lượng vũ trang của Hồn Quản vì ở xa nên không nắm được kịp thời chủ trương trên, do đó vẫn chưa hội nhập vào Chi đội 1. Đến ngày 1 tháng 3 năm 1946, Chi đội 1 đã tổ chức thành 3 đại đội¹.

Cho tới cuối tháng 11 năm 1945, tình hình gặp nhiều khó khăn, giặc Pháp chiếm đóng sâu vào cả vùng căn cứ của ta, và đã mở thông được đường số 13 Sài Gòn – Lộc Ninh và đoạn đường số 14 lên Bù Đốp. Khi địch càn quét chiếm đóng lan rộng, hoạt động của chính quyền và đoàn thể ở cơ sở hầu như không còn. Tự vệ, du kích các xã thì đã nhập vào các đơn vị vệ quốc đoàn của chi đội. Căn cứ đóng quân và địa bàn hoạt động của bộ đội bị thu hẹp. Sau những trận chống càn quét bộ đội ta bị tiêu hao cả người và vũ khí đạn dược. Cơ sở trong nhân dân thu hẹp. Địa bàn Hồn Quản, Bà Rá, Bù Đốp với địa hình rừng rậm, ruộng ít, lương thực không đủ cho dân địa phương lại bị địch càn quét, phá hoại về kinh tế. Nguồn cung cấp lương thực thực phẩm, vũ khí từ trên chuyển xuống gặp khó khăn, tại địa phương thì cạn kiệt... Tuy gặp nhiều khó

1. Đại đội tương đương tiểu đoàn ngày nay (T.G).

khăn gian khổ nhưng bộ đội và cán bộ vẫn kiên trì chịu đựng, tìm cách khắc phục khó khăn để sống và chiến đấu. Trong hoàn cảnh ấy nhiều đơn vị phải tự túc bằng cách vào rừng đào củ mài, củ nân, củ chụp... để ăn và đều quyết tâm tìm địch mà đánh, lấy vũ khí địch trang bị cho ta.

Trước tình hình này, Chi đội 1 và các đại đội chủ trương quay trở lại vùng địch mới chiếm. Bộ đội Biên Hòa do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy gây dựng lại cơ sở cách mạng và cơ sở vũ trang trong vùng địch tạm chiếm. Các đại đội thuộc Chi đội 1 tổ chức vũ trang tuyên truyền diệt tề trừ gian, tổ chức lại cơ sở quần chúng và tự vệ. Lực lượng bảo vệ căn cứ Khu bao gồm trung đội A do Nguyễn Đình Kính làm chỉ huy trưởng, Lê Đức Anh làm chính trị viên, Nguyễn Văn Hội và Lê Danh Cát làm chỉ huy phó trở về Thủ Dầu Một sáp nhập vào đại đội 3 Chi đội 1¹. Từ đây, đại đội 3 do các đồng chí Nguyễn Văn Ngọ làm đại đội trưởng, Nguyễn Văn Hội làm đại đội phó, Lê Đức Anh làm chính trị viên. Đại đội hoạt động ở vùng cao su Hớn Quản, Bù Đốp và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đại đội 3 có ba trung đội. Các đơn vị này cương quyết trở về vùng địch tạm chiếm, dựa vào dân để tồn tại, hoạt động khôi phục phong trào.

1. Đại đội bảo vệ căn cứ Khu bộ Khu 7 tại Chiến khu Đ (Lạc An) gồm 2 trung đội: Trung đội A (lực lượng Thủ Dầu Một) do Nguyễn Đình Kính làm chỉ huy trưởng, Trung đội B (lực lượng Biên Hòa) do Lê Văn Ngọc chỉ huy trưởng. Ban chỉ huy đại đội gồm: Lê Văn Ngọc (đại đội trưởng), Lê Đức Anh (chính trị viên), Nguyễn Văn Hội (đại đội phó) (T.G).

Trong tháng 4 năm 1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận thay mặt Khu ủy Khu 7 chỉ định thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa do đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư. Tháng 6 năm 1946, Chi đội 10 - đơn vị vũ trang của tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm chi đội trưởng. Lực lượng lúc này lên tới 1.000 người, 380 súng trường, nhiều súng máy, tiểu liên và súng cối. Chi đội 10 được chia làm 3 đại đội A, B, C. Địa bàn hoạt động của chi đội mở rộng lên đường 14, Đồng Xoài.

Các đại đội Vệ quốc đoàn của chi đội 10 – Biên Hòa phân tán thành từng đơn vị nhỏ xuống đứng chân, hoạt động tại các xóm ấp, dựa vào sự tiếp tế của các địa phương. Ban chỉ huy chi đội 10 được sự đồng ý của Ủy ban kháng chiến hành chính Biên Hòa chuyển các quận quân sự thành các Ban công tác liên thôn. Dưới Ban công tác liên thôn là Ban công tác xã. Đây là cơ quan quân sự địa phương giúp việc cho Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, xã thực hiện nhiệm vụ quân sự trên địa bàn mình do chi đội 10 thống nhất chỉ huy. Thực hiện theo chủ trương này, trên địa bàn từ Bình Mỹ đến Bà Rá có Ban công tác liên thôn 7 của tỉnh Biên Hòa thường xuyên hoạt động.

Đến đây, cuộc kháng chiến ở địa bàn tỉnh Bình Phước (ngày nay) được tiến hành dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy Thủ Dầu Một và tỉnh ủy Biên Hòa.

Ngay từ tháng 6 năm 1945, các tổ chức công đoàn cũng đã gây dựng được cơ sở trong hầu hết các đồn điền ở Miền Đông Nam Bộ. Tuy tên gọi không thống nhất như Ủy ban công nhân, Nông dân cứu quốc, Nghiệp đoàn nhưng đều

cùng một mục đích là vận động, tổ chức công nhân cao su đấu tranh đòi quyền dân sinh và ủng hộ kháng chiến. Các công đoàn của công nhân cao su Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Thuận Lợi lần lượt ra đời. Các tổ chức này đến cuối năm 1946 đã thống nhất thành một hệ thống của Tổng Công đoàn Nam Bộ sau đổi tên là *Liên hiệp nghiệp đoàn Nam Bộ* với chủ trương:

- củng cố và phát triển tổ chức công đoàn và các tổ chức cách mạng khác.
- Đưa thanh niên ra tiền tuyến.
- Mở mặt trận cao su chiến.

Vào tháng 12 năm 1946, theo chủ trương của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Ban Cán sự Đảng của quận Hớn Quản - tức Quận ủy lâm thời được thành lập gồm 5 đồng chí: đồng chí Lê Đức Anh (mang mật danh là Hòa) làm Bí thư, Trần Quang Sang (mang mật danh là Khai) làm Phó Bí thư và các đồng chí Việt (mang mật danh là Bình), Nguyễn Văn Hội (mang mật danh là An), Lê Danh Cát (mang mật danh là Ninh)¹. Quận ủy lâm thời phân công trách nhiệm như sau: đồng chí Nguyễn Văn Hội, Lê Danh Cát lo công việc phát

1. Sau một thời gian các đồng chí Bình, An, Ninh chuyển sang công tác ở bộ đội và công an. Đến giữa năm 1947, đồng chí Lê Đức Anh được điều lên tỉnh làm chính trị viên Chi đội 1. Lúc này Ban Cán sự Đảng của Quận được bổ sung thêm 3 đồng chí Chín Thỉnh, Tám Ngân, Mười Canh và đồng chí Trần Quang Sang được cử làm Bí thư. Sang năm 1948, đồng chí Tám Ngân hy sinh, Quận ủy bổ sung đồng chí Doãn Văn Mì, đến cuối năm 1948 lại được bổ sung thêm đồng chí Hai Lĩnh (T.G).

triển Đảng trong bộ đội bao gồm đại đội ở Hớn Quản, và 2 đại đội đang hoạt động ở Bến Cát; đồng chí Việt lo công tác phát triển Đảng trong cơ quan Công an; các đồng chí Lê Đức Anh, Trần Quang Sang lo công việc phát triển Đảng ở xã Tân Khai và trong đồn điền cao su. Việc thành lập Quận ủy lâm thời Hớn Quản đánh dấu bước phát triển quan trọng của phong trào kháng chiến ở vùng này. Quận ủy đề ra nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ Hội nông dân, củng cố và phát triển thêm các cơ sở cách mạng, vận động thanh niên vào bộ đội, đồng thời bao vây, phá hoại kinh tế địch là một chủ trương lớn của Xứ ủy, Khu ủy Miền Đông nhằm làm tiêu hao tiềm lực và dự trữ kinh tế của địch, góp phần vào việc phát triển kinh tế kháng chiến bằng việc mở “Mặt trận cao su chiến”. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính và Liên hiệp nghiệp đoàn cao su Nam Bộ ở quận Hớn Quản, Bù Đốp đã xây dựng nhiều tổ chức bí mật bên trong đồn điền cao su với nhiệm vụ phá hoại vườn cây, phá hoại việc khai thác mủ và các cơ sở sản xuất, chế biến cao su của địch. “Mặt trận cao su chiến” trở thành khẩu hiệu đấu tranh của công nhân cao su với nội dung: biến đồn điền cao su thành chiến trường tiêu diệt địch.

Cuộc kháng chiến tuy vẫn còn khó khăn, song so với những tháng cuối năm 1945 đầu năm 1946, tình hình có chuyển biến tốt. Các hoạt động tuyên truyền kháng chiến được đẩy mạnh trong vùng cao su và vùng đồng bào dân tộc, nhất là việc phổ biến tin tức được tổ chức thường xuyên. Các hoạt động quân sự đánh địch cũng được tăng cường. Các hoạt động diệt ác, phá tề, trừng trị những tên

việt gian nguy hiểm, được phát động rầm rộ trong quần chúng nhân dân có tác dụng làm tê liệt bộ máy tề nguỵ ở cơ sở. Ngoài ra, bộ đội còn kết hợp với cán bộ địa phương đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở cách mạng trong các thôn ấp, đồn điền cao su; tổ chức lại các đoàn thể cách mạng, từng bước xây dựng lại cơ sở chính trị trong quần chúng. Phong trào kháng chiến dần dần được khôi phục và phát triển.

Tháng 8 năm 1946, sau khi nắm được tình hình trong đồn địch ở Hớn Quản, trung đội 1 thuộc đại đội 3 - đại đội Hớn Quản, Lộc Ninh, có cơ sở nội ứng hỗ trợ, đã tổ chức trận đánh đầu tiên. Mục tiêu tiến công là dinh quận trưởng, đồn cảnh sát, nhà ga, nhà bưu điện, trụ sở xã Tân Lập Phú tại chợ Hớn Quản và nhà đồn trưởng cảnh sát, đồng thời tìm diệt một số tên ác ôn. Ta có thuận lợi do xung quanh là rừng cao su, và do địch chủ quan cho rằng đây là nơi an toàn tuyệt đối, nên trận đánh diễn ra nhanh gọn. Ta đốt phá trụ sở tề, nhà ga, nhà bưu điện, diệt 1 tên việt gian có nợ máu cùng 3 tên lính khác, thu 2 khẩu súng và một ít đạn dược. Tuy lực lượng ít, nhưng trận đánh đã mang lại thắng lợi lớn về chính trị. Nhân dân các vùng cao su, các xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vui mừng phấn khởi trước kết quả đạt được. Ngày 7 tháng 9 năm 1946, phân đội 2 thuộc trung đội 3, đại đội 3 đột nhập thị trấn Chơn Thành diệt tên quận trưởng Hớn Quản cùng một số lính. Trận này làm rung động bộ máy kìm kẹp của giặc tại địa phương. Nhân đà thắng lợi ta bám đường dây xe lửa Lộc Ninh móc nối các cơ sở trong làng, sở cao su để tổ chức lại nghiệp đoàn, vận động phong trào công nhân cao su đấu tranh chính trị.

Các lực lượng dân quân, du kích địa phương được phân công bám vùng ven các tuyến đường quốc lộ 13 và 14, tiếp tục diệt địch, trừ việt gian.

Tháng 10 năm 1946, công nhân cao su ở đồn điền Lộc Ninh diệt tên xu Phú, đốt cháy nhiều quân trang quân dụng của địch trên xe lửa từ Sài Gòn đi Lộc Ninh. Một số cơ sở sản xuất của Pháp thuộc đồn điền Lộc Ninh bị công nhân bí mật phá hủy. Những tên mật vụ, chỉ điểm thường đánh đập công nhân như Cao Đề, Bá đã bị công nhân trừng trị đích đáng.

Thắng lợi của trận tập kích thị trấn Hớn Quản và tin tức về Hội nghị Fontainebleau¹ với việc ký kết Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946 đã tác động mạnh đến tinh thần cách mạng, gây dựng niềm tin trong nhân dân vùng cao su và đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều hoạt động đã diễn ra như công tác xây dựng và kiện toàn bộ máy kháng chiến, công tác địch vận, lôi kéo nhiều lính ngụy bỏ ngũ theo cách mạng...

Tình hình kháng chiến từ cuối năm 1946 về sau có chuyển biến tốt. Lực lượng bộ đội, các nhóm vũ trang tuyên truyền tuy còn gian khổ, nhưng nhờ sự tiếp tế của nhân dân nên về cơ bản vấn đề lương thực thực phẩm không phải lo như lúc trước.

Các hoạt động tuyên truyền kháng chiến được đẩy mạnh trong vùng cao su và vùng đồng bào dân tộc, nhất là việc phổ biến tin tức được tổ chức thường xuyên. Hình

1. Fontainebleau, Pháp (T,G).

thức là lập từng nhóm nhà rồi phổ biến miệng. Nơi nào có điều kiện thì họp nhóm để phổ biến.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta buổi đầu đã gặp phải khó khăn gay gắt. Chính quyền và đoàn thể ở nhiều nơi tan vỡ. Bộ đội và lực lượng kháng chiến đang đứng trước tình thế hết sức khó khăn: vũ khí, thuốc men đều thiếu. Quân Pháp hầu như chiếm đóng khắp các trục đường giao thông, các đồn điền cao su. Lực lượng vũ trang còn rất non trẻ, chất lượng chính trị chưa cao, trình độ chiến, kỹ thuật và trang bị kém, hạn chế về mặt tổ chức. Nhưng chính trong những ngày gay go ác liệt này, các lực lượng vũ trang tuyệt đại đa số cán bộ, chiến sĩ là những người yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng, được rèn luyện trong đấu tranh, trưởng thành từ phong trào khởi nghĩa toàn dân vẫn kiên quyết bám trụ tại chỗ, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, lập căn cứ tạo thực lực to lớn cho công cuộc kháng chiến lâu dài.

III. XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA KHÁNG CHIẾN

Sau khi chiếm được những địa bàn then chốt và kiểm soát các đường giao thông chính ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, mục tiêu tiếp theo của thực dân Pháp là đưa quân ra miền Bắc. Nguy cơ cuộc chiến tranh xâm lược lan rộng đang đến gần. Trước tình hình nghiêm trọng của đất nước, đại diện Chính phủ ta đã ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Với chủ trương chiến lược "Hòa để tiến", việc ký kết Hiệp định Sơ bộ tạo

điều kiện cho ta củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược ở quy mô mới. Tuy nhiên, ngày 7 tháng 3 thực dân Pháp phản bội Hiệp định. Và chỉ 10 ngày sau đó, ngày 15 tháng 3, tướng Pháp Nyô (Nye), tư lệnh quân Pháp ở Nam Việt Nam tổ chức tiến công căn quét căn cứ khu bộ Khu 7. Các đơn vị vũ trang của ta chiến đấu bảo vệ chiến khu nhưng không thể ngăn chặn được bước chân xâm lược của quân Pháp. Ngày 10 tháng 4 năm 1946, Bộ chỉ huy Khu 7 đã đàm phán với đại diện tướng Nyô về việc thực hiện điều khoản ngừng bắn của Hiệp định Sơ bộ, nhưng cuộc đàm phán không đem lại kết quả.

Dự kiến quân Pháp sẽ tăng viện và mở rộng phạm vi đánh chiếm. Hơn nữa cuộc chiến tranh đang ngày càng diễn ra ác liệt trên các chiến trường. Trước tình hình đó, việc xây dựng căn cứ địa và giữ vững mối quan hệ giữa phong trào công nhân trong đồn điền với các hoạt động tại căn cứ kháng chiến trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. Vì thế, Bộ chỉ huy Mặt trận Miền Đông đã triển khai lập các căn cứ kháng chiến. Căn cứ chiến khu Đ được xây dựng thành căn cứ lớn của miền Đông Nam Bộ. Đây là nơi đứng chân chỉ đạo của Xứ ủy, Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Miền Đông, nơi huấn luyện đào tạo nhiều cán bộ cách mạng, công nhân cao su. Bên cạnh đó ở mỗi địa phương cũng đã hình thành các căn cứ kháng chiến.

Dựa vào địa thế hiểm trở, núi cao thuận lợi cho việc huấn luyện, trú đóng quân, xây dựng bảo vệ và nuôi dưỡng phát triển các lực lượng vũ trang, là nơi tạo điều kiện cho lực lượng kháng chiến tổ chức phòng thủ cũng

như tiến công tiêu diệt địch bằng lối đánh du kích. Nơi đây còn là địa bàn khá quan trọng, có tính chất yết hầu nối liền từ biên giới Tây Nam giáp Campuchia đến các tỉnh cực Nam Trung Bộ, từ chiến khu Đ đến các căn cứ Tây Nguyên. Nên từ năm 1946, trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp hệ thống căn cứ địa được hình thành tương đối hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang đứng chân phát triển lực lượng, huấn luyện quân sự, thực hành chiến đấu tiêu diệt địch. Mặc dù bị Pháp càn quét, khủng bố liên tục trong những ngày đầu kháng chiến, nhưng các căn cứ địa vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển, làm chỗ dựa cho lực lượng vũ trang bám trụ chiến đấu.

Trên suốt địa bàn từ Phước Hòa, Phước Vĩnh đến Phước Long, Bà Rá thuộc tả ngạn Sông Bé, Thuận Lợi có một vị trí khá quan trọng, là nơi thông thương tiếp viện giữa Sài Gòn và Tây Nguyên. Để đi Tây Nguyên Pháp phải qua Phước Hòa, Phước Vĩnh, rồi theo lộ 15 lên Ban Mê Thuột. Đồng thời, Thuận Lợi có giá trị như một chốt điểm làm nơi nghỉ chân và làm bàn đạp tỏa đi các nơi khác, là nơi có số lượng công nhân khá đông. Do đó, ta có thể dựa vào để tiếp tế lương thực, thực phẩm, nắm tình hình địch, tổ chức cơ sở hoạt động cho các lực lượng kháng chiến đóng ở đây. Nhận thức được tầm quan trọng của Thuận Lợi, Bộ chỉ huy mặt trận Miền Đông triển khai lập chiến khu Thuận Lợi. Căn cứ Thuận Lợi dự kiến là căn cứ chính. Lương thực, máy móc, cơ sở vật chất của tỉnh Thủ Dầu Một, Miền Đông được chuyển về Thuận Lợi. Cuối năm 1945, cơ quan quân sự Khu 7 cử một đơn vị vũ trang do đồng chí Vũ Đức làm tư lệnh trưởng về đóng ở chiến

khu Thuận Lợi. Lực lượng vũ trang ở căn cứ cùng với quân, dân Thuận Lợi củng cố tổ chức, luyện tập quân sự chuẩn bị kháng chiến ở địa phương. Từ căn cứ Thuận Lợi, hàng trăm công nhân cao su của đồn điền được tuyển vào bộ đội đem theo nhiều máy móc, lương thực đến vùng Mỹ Lộc, Lạc An, Tân Định lập chiến khu Lạc An để cùng quân dân tỉnh Biên Hòa chống Pháp. Và từ năm 1946, Ban công tác liên thôn 7 của tỉnh Biên Hòa thường xuyên hoạt động trong đồn điền Thuận Lợi với gần một trung đội, được trang bị 19 súng trường do đồng chí Đỗ Bồng Long làm Trưởng ban, đồng chí Lý Quới làm Phó ban. Về sau tổ chức này phát triển thành một phân đội trực thuộc Chi đội 10, Ban công tác thường xuyên đánh quấy rối địch. Ta còn xây dựng được hai cơ sở cảm tình cách mạng ngay trong trung tâm đồn điền Thuận Lợi làm nơi tiếp tế lương thực thực phẩm và cung cấp tin tức cho ta.

Xuất phát từ căn cứ, các lực lượng vũ trang tổ chức nhiều cuộc hành quân ra bên ngoài tấn công tiêu diệt đồn bốt địch, tập kích vào vùng tạm bị chiếm diệt tề trừ gian, diệt sinh lực địch, đánh phá giao thông, cắt đường vận chuyển của chúng.

Đầu năm 1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được Xứ ủy Nam Bộ phái về Thủ Dầu Một công tác. Đồng chí chỉ định Tỉnh ủy Thủ Dầu Một gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm Bí thư, đồng chí Văn Công Khai làm Phó Bí thư. Và chỉ thị cho đồng chí Lê Đức Anh đưa đại đội 3 về xây dựng căn cứ Truong Ba Trường. Căn cứ này là vùng rừng núi thuộc ba xã Tân Khai, Tân Thành, Minh Thạnh của huyện Bình Long ngày nay. Nơi đây dần dần

trở thành địa điểm đứng chân của các cơ quan huyện Hớn Quản và lực lượng vũ trang đại đội 3.

Từ căn cứ Truong Ba Trường, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Đức Anh, đại đội 3 tìm cách xây dựng cơ sở ở các đồn điền Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi, xã Tân Quang, thị trấn Hớn Quản và các sóc đồng bào dân tộc thiểu số. Sau một thời gian ta bắt liên lạc được với ông Mười Lũy, anh Bảy Phú, Sáu Lục. Từ những cơ sở ban đầu này, anh em mở rộng cơ sở ra ở xã Tân Quang, các đồn điền Xa Trạch, Xa Cát, Quản Lợi, Xa Cam, ấp ga Hớn Quản. Sau khi móc nối và mở được cơ sở, việc đầu tiên là vận động bà con ủng hộ lương thực, thực phẩm, tiền bạc cho bộ đội.

Cũng trong năm 1946, nhân dân An Linh, Phước Sang¹ xây dựng khu căn cứ kháng chiến tạo chỗ dựa cho phong trào cách mạng địa phương. Khu căn cứ có 3 vọng gác. Mỗi vọng gác cách nhau 3 km, xung quanh có dựng các chướng ngại vật. Ngoài ra du kích còn đào hầm chông và gài cung². Mỗi trạm gác có một tổ du kích tuần tra suốt ngày đêm với nhiệm vụ phát hiện địch, gài trái tự động mỗi chiều, sáng gõ đi để nhân dân đi lại sản xuất. Nhân dân An Linh - Phước Sang dựa vào rừng núi để vừa chiến đấu vừa sản xuất, làm cho vùng An Linh - Phước Sang trở thành căn cứ kháng chiến lâu dài của ta. Trong căn cứ có đầy đủ các tổ chức đoàn thể cách mạng. Chủ tịch là đồng chí Nguyễn Đình Lập, xã đội trưởng là đồng chí Nguyễn Văn Huỳnh, hai xã đội phó là đồng chí

1. Thuộc huyện Đồng Phú ngày nay (T.G).

2. Một loại vũ khí của đồng bào dân tộc thiểu số (T.G).

Nguyễn Văn Dẻo và đồng chí Thừa, đồng chí Tám Hóa phụ trách chính trị.

Tại khu căn cứ kháng chiến, chính quyền cách mạng tổ chức các lớp học, thành lập các đội văn nghệ. Các tổ chức đoàn thể như thanh niên, phụ nữ. Đây là những lực lượng đi đầu trong phong trào học chữ và văn nghệ của căn cứ An Linh - Phước Sang.

Mỗi căn cứ tuy hoạt động tương đối độc lập nhưng không tách rời nhau. Hệ thống các căn cứ địa được thiết lập thành hành lang liên hoàn liên kết với nhau nhằm đáp ứng một cách toàn diện các yêu cầu đề ra của cuộc kháng chiến.

Cùng với hệ thống các căn cứ kháng chiến, các đồn điền cao su không những đem lại nguồn lợi kinh tế quan trọng mà còn là những vị trí chiến lược rất lợi hại về quân sự. Dựa vào nguồn lương thực thực phẩm sẵn có ở đồn điền, ta đã xây dựng cơ sở cách mạng vững chắc trong các đồn điền, tổ chức thành hậu phương tại chỗ cho kháng chiến. Các làng công nhân cũng là nguồn tiếp tế không bao giờ cạn về sức người, sức của cho kháng chiến, nhiều công nhân được đào tạo, phát triển thành cán bộ nòng cốt. Các cán bộ được cử về các đồn điền cao su bắt liên lạc xây dựng phát triển tổ chức công đoàn, tổ chức công nhân tham gia kháng chiến. Đến cuối năm 1946, trong hầu khắp các đồn điền cao su ở Hớn Quản, Lộc Ninh, việc chỉ đạo phong trào công nhân tại chỗ và các cơ sở bám trụ đã được hoàn tất. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su ngày một phát triển hòa cùng với sự phát triển của cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ta xây dựng được một số cơ sở cách mạng, cán bộ cốt cán người dân tộc. Ở Phú Riềng và Nha Bích, có bà Điều Thị Bách người Châu Ro, bà Lâm Chung người Khmer. Nhờ sự giúp đỡ của đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều thanh niên công nhân đã trốn vào rừng nhập vào các đơn vị của Chi đội 10; và đại đội 3 của Chi đội 1. Đồng bào còn tham gia phá đường, lập chướng ngại vật, rào làng và dùng những vũ khí tự tạo để đánh địch.

Sự ra đời của các căn cứ kháng chiến đã có ảnh hưởng to lớn, góp phần xây dựng căn cứ hậu phương hỗ trợ trực tiếp cho cuộc đấu tranh tại chỗ của công nhân cao su và phong trào kháng chiến trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp và là nơi xuất phát khi tiến công địch. Đối với công nhân cao su, các căn cứ kháng chiến là nơi lập nghiệp mới, là sự đổi đời. Tại đây họ có cuộc sống riêng độc lập, tự do tăng gia sản xuất, xây dựng lực lượng dân quân du kích xã ấp, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và là nơi hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền. Trong công cuộc kháng chiến của quân và dân ta Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp còn giữ vai trò làm nơi tiếp nhận các nguồn chi viện tiếp tế từ các vùng tạm bị chiếm, sự chi viện tiếp tế của Trung ương, và từ đây được phân phối đến các chiến trường. Song song đó, mối liên kết chặt chẽ mật thiết giữa phong trào kháng chiến của nhân dân ở những vùng bị tạm chiếm với các căn cứ và với phong trào công nhân tại các đồn điền cao su đã tạo nên sự đồng bộ nhịp nhàng, làm cho phong trào kháng chiến ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Ngoài ra, ta còn chủ trương đẩy mạnh việc xây dựng cơ

sở vào các vùng còn trắng trong khu vực cao su, trong thị trấn và trong đồng bào các dân tộc. Trong các xã nông thôn thì xây dựng các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân, xây dựng hội phụ lão và Mặt trận Việt Minh; ở các đồn điền thì xây dựng nghiệp đoàn, đồng thời hết sức tranh thủ số các thầy xu, thầy ký của đồn điền; ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì đẩy mạnh công tác tuyên truyền kháng chiến.

Trong thời gian cuối năm 1945 đầu năm 1946, quân dân các quận Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp phải chiến đấu, sinh hoạt trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Với địa bàn ruộng ít, rừng nhiều, lại bị địch càn quét, phá hoại liên miên, khả năng ủng hộ cho kháng chiến của nhân dân rất hạn chế. Bệnh hoạn thiếu thuốc, nhất là bệnh sốt rét, không ít các chiến sĩ chết vì sốt rét ác tính. Tuy nhiên, nhân dân vẫn tìm mọi cách để đóng góp cho cách mạng. Phong trào quyên góp tiền, gạo, thuốc men cho bộ đội, lấy máy móc, nguyên liệu chuyển ra vùng căn cứ xây dựng công binh xưởng, vũ trang phá rối địch phát triển rầm rộ ở khắp các đồn điền, các xóm ấp ở Hớn Quản, Lộc Ninh, Thuận Lợi.

Hoạt động lấy tài sản của tư bản Pháp gửi vào chiến khu phát triển thành phong trào rộng rãi khắp các đồn điền, mỗi đồn điền đều thành lập *Ban vận động tiếp tế* làm nhiệm vụ quyên góp và vận chuyển ra căn cứ.

Nhằm ngăn chặn việc công nhân tiếp tế cho kháng chiến, bọn chủ đồn điền lập ra "nhà ăn công nhân", thực chất là để tránh phát gạo cho anh chị em. Công nhân bị bệnh, chúng bắt người bệnh há miệng rồi tự tay bỏ thuốc

cho nuốt, nhằm ngăn chặn việc công nhân xin thuốc gửi cho bộ đội. Mặc dù bị giám sát, kìm kẹp, công nhân cao su Hớn Quản, Lộc Ninh vẫn tìm cách tiếp tế thuốc men, gạo cho cách mạng. Nhiều chị em giả bệnh để xin thuốc, bị buộc phải uống tại chỗ nhưng các chị chỉ ngậm thuốc sau đó đem phơi khô gửi cho các chiến sỹ. Ngay ở “nhà ăn công nhân”, nhiều người đã bớt phần cơm của mình mang về nhà phơi khô, tích trữ lại chờ ngày chuyển vào căn cứ. Đó là chưa kể hàng loạt công nhân cao su đã bỏ đồn điền gia nhập lực lượng vũ trang chống Pháp, đi dân công phục vụ chiến trường; ngay cả những người vốn là cai, xu, sếp, từng làm tay sai cho tư bản Pháp cai trị công nhân cũng theo lực lượng kháng chiến, góp phần quan trọng vào thắng lợi của kháng chiến.

Ngay trong vùng tạm chiếm - nơi còn rất nhiều khó khăn cho hoạt động, nhưng bất chấp mọi biện pháp kiểm soát và khủng bố gắt gao của địch, công nhân cao su và quần chúng nhân dân vẫn tìm mọi cách đóng góp sức người, sức của, không tiếc công sức, máu xương, nỗ lực hoàn thành nghĩa vụ của mình trong sự nghiệp chung. Đó là những thành tích, những chiến công rất đáng tự hào.

*

* *

Mặc dù kháng chiến trong điều kiện không cân sức, hoàn cảnh thiếu thốn trăm bề, lực lượng còn rất non yếu, phần lớn cán bộ thiếu kinh nghiệm tác chiến, thiếu huấn luyện, sức chiến sỹ có lúc sút kém; những cán bộ cách mạng lại thường xuyên bị giặc Pháp khủng bố, tàn sát, lòng bất hòng dập tắt làn sóng đấu tranh của nhân dân;

nhưng chỉ trong vòng hơn một năm từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946, quân và dân Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp đã không ngừng vượt qua gian khổ, chống trả quyết liệt quân địch bằng mọi thứ vũ khí, bằng mọi hình thức để bảo vệ chính quyền cách mạng. Những thành quả bước đầu này là sức mạnh để quân và dân vùng bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới trong những năm tiếp theo.

CHƯƠNG HAI

PHÁT TRIỂN CHIẾN TRANH DU KÍCH, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG BA THỨ QUÂN, PHÁ KẾ HOẠCH BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH (1947-1950)

I. PHÁT TRIỂN CHIẾN TRANH DU KÍCH RỘNG KHẮP

Tướng Valluy Tổng chỉ huy quân đội Pháp xâm lược, đã chỉ thị cho tướng Nyo, phụ trách chiến trường Nam Bộ: "Nỗ lực chủ yếu của chúng ta là ở Bắc Kỳ nhằm tiêu diệt đơn vị chính quy và cơ quan Chính phủ Trung ương. Nhưng Nam Kỳ vẫn chiếm một vị trí quan trọng, đầu tiên là phải loại trừ Việt Minh ra khỏi Nam Kỳ. Nam Kỳ vẫn là cái nút của vấn đề Pháp - Việt. Hơn bao giờ hết, việc bình định Nam Kỳ phải là hòn đá thử vàng đối với sự khôn khéo giải quyết của người Pháp. Nếu trong vài tháng mà tách được Nam Kỳ ra khỏi chiến tranh thì Pháp sẽ giải quyết được 3/4 vấn đề Đông Dương" ¹. Và hạ quyết tâm vào mùa thu năm 1947 phải "bình định" xong Nam Bộ.

1. Dẫn theo: *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé*, tập 1 (1930-1954), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sông Bé xuất bản, 1995, tr. 266.

Chính thế mà ngay từ đầu năm 1947, thực dân Pháp vạch ra chương trình bình định Nam Bộ, coi đây là khâu then chốt trong chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của chúng. Trong đó, củng cố và đẩy mạnh hoạt động khai thác cao su ở Miền Đông Nam Bộ trở thành một trong những chính sách quan trọng trong chương trình bình định Nam Bộ của thực dân Pháp. Các đồn điền cao su được xem là "vàng trắng" đem lại nguồn lợi khổng lồ cho giới tư bản. Chính vì vậy, để bảo đảm an ninh cho các đồn điền cao su, kiểm soát được công nhân, Pháp cho tăng cường các đồn bốt khắp các đồn điền cao su Thuận Lợi, Lộc Ninh, Bù Đốp, Quản Lợi. Đồng thời chúng còn tổ chức các cuộc càn quét để ngăn chặn ảnh hưởng của cuộc kháng chiến đối với đội ngũ công nhân đồn điền, đàn áp các cuộc đấu tranh của công nhân nhằm mục đích sản xuất nhiều cao su hơn để bù đắp những thiệt hại do cuộc chiến trước gây ra. Ngoài hệ thống đồn bốt trong đồn điền, còn có các đồn bốt dọc theo các quốc lộ 13, 14; khắp các làng cao su, thực dân Pháp đóng tháp canh dày đặc; tăng cường lực lượng và trang bị thêm vũ khí cho các đồn bốt để trấn giữ các cửa rừng cao su, các trung tâm đồn điền, hỗ trợ cho tư bản Pháp khai thác, kiểm chế đàn áp phong trào cách mạng của công nhân và hoạt động tác chiến của bộ đội ta. Bên cạnh đó, chúng còn gài bọm mật thám, gián điệp vào các buôn làng, các sở cao su một cách chặt chẽ.

Song song đó, để thực hiện chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh", quân Pháp tập trung mở các cuộc hành quân đánh sâu vào vùng căn cứ kháng chiến, tìm diệt lực lượng vũ trang, thường xuyên tổ chức các cuộc càn quét

vùng du kích để diệt du kích và chính quyền cách mạng, từng bước mở rộng vùng kiểm soát, thu hẹp vùng căn cứ, triệt phá các cơ sở của ta ở Miền Đông.

Tuy nhiên, những âm mưu đó của thực dân Pháp đã gặp phải sự chống trả quyết liệt của nhân dân địa phương và công nhân trong các đồn điền. Dù với những tháp canh, đồn bốt dày đặc nhưng không rào chắn được lòng người. Đó là căn cứ lòng dân trong đồn điền, tinh thần yêu nước luôn hướng về cách mạng của nhân dân.

Tháng 12 năm 1946, Bộ chỉ huy Khu 7 thành lập 4 liên quân nhằm đánh bại lực lượng phản động Cao Đài do quân Pháp tổ chức chống lại cách mạng. Hai trung đội thuộc Chi đội 1 tham gia Liên quân B do đồng chí Huỳnh Kim Trương chỉ huy. Sau một thời gian hoạt động, liên quân B hạn chế được hoạt động của quân phản động Cao Đài. Đầu tháng 6 năm 1947, liên quân B hành quân về Minh Thạnh đánh một đoàn xe địch trên đường Bến Cát đi Minh Thạnh diệt hơn một đại đội, thu 2 trung liên, 10 tiểu liên, 30 súng trường. Ngày 15 tháng 6 năm 1947, bộ phận Chi đội 1 trong Liên quân B trở về đội hình chi đội.

Cuối tháng 12 năm 1946, Khu bộ Khu 7 chấn chỉnh lại cơ quan, đổi tên Khu bộ thành Tư lệnh bộ. Tháng 1 năm 1947, Tư lệnh bộ triệu tập Hội nghị quân sự toàn khu. Hội nghị đề ra nhiệm vụ chủ yếu: chống chính sách mua chuộc giáo phái của giặc Pháp và củng cố xây dựng lực lượng bộ đội, đánh mạnh vào hậu phương của chúng ở các cơ sở kinh tế trong nội thành, rừng cao su và dọc các đường giao thông quan trọng.

Trong tình hình này, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một khẩn

trường củng cố và chấn chỉnh tổ chức, phát triển lực lượng, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích và các hoạt động đấu tranh chính trị trên các chiến trường, bằng mưu trí sáng tạo, bằng sức mạnh quân sự của ta và công tác địch nguy vận, bằng phục kích chống càn, đánh giao thông, diệt đồn bốt ta đã làm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và tăng cường lực lượng của ta. Việc phá hoại cơ sở kinh tế của địch (nhất là các đồn điền cao su), xây dựng, mở rộng các khu căn cứ kháng chiến, quấy rối địch ở vùng tạm chiếm, ra sức giữ người giữ của, giành người, giành của với địch là những hoạt động được tiến hành thường xuyên. Trong các thị trấn, thị xã, đồn điền cao su đều có du kích mật hoạt động, các xã đều có tiểu đội du kích. Trên địa bàn Hớn Quản, Bù Đốp các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy đều được củng cố, hệ thống tổ chức chính quyền cách mạng được chấn chỉnh và xây dựng mới. Xúc tiến công tác kinh tế – tài chính, vận động nhân dân đi lại, mua bán giữa vùng tạm chiếm và vùng căn cứ, phá thế bao vây kinh tế của địch, tìm mọi cách chuyển vào căn cứ lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác. Vận động thanh niên tòng quân, phát triển mạnh mẽ lực lượng vũ trang ở các cấp.

Hoạt động trên địa bàn bắc Thủ Dầu Một, Biên Hòa ngoài Chi đội 1 còn có Chi đội 10, bộ đội Hoàng Thọ, lực lượng Công an xung phong và Quốc vệ đội... Những lực lượng này cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, cướp vũ khí trang bị cho ta. Các chi đội phối hợp cùng với du kích các xã tổ chức tấn công địch, tiêu diệt đồn bốt bằng nhiều cách như

gài nội ứng, hóa trang làm binh lính, sĩ quan...; chống địch càn quét, bảo vệ căn cứ kháng chiến. Chiến tranh du kích phát triển ngày một phong phú, đa dạng đã gây cho địch nhiều tổn thất đáng kể.

Tháng 7 năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Biên Hòa cử đồng chí Ngô Văn Long cùng một cán bộ là Lê Đình Ngũ và một liên lạc tên là Thái lên vùng Bà Rá để tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua các cuộc tiếp xúc với những người thường lên buôn bán ở đây, đồng chí Ngô Văn Long đã tuyên truyền, thuyết phục, cảm hóa được một số người, vận động họ đi theo cách mạng. Cuối năm 1947, từ những cơ sở cách mạng do đội công tác Biên Hòa gây dựng lên, Ủy ban kháng chiến hành chính vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Bà Rá được thành lập. Ta tiếp tục vận động được một số cai tổng như Thạch Tam, Tổng Nhiêu và xây dựng thêm hàng chục cơ sở cách mạng ở vùng này.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng, cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập huyện Sông Bé giáp với chiến khu Đ về phía đông - đông bắc¹. Huyện ủy đầu tiên của vùng Bà Rá được thành lập do đồng chí Ngô Văn Long làm Bí thư. Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Sông Bé cũng ra đời, đồng chí Bí thư huyện ủy kiêm Chủ tịch huyện, 2 Phó chủ tịch là người dân tộc thiểu số tại địa phương.

1. Bao gồm Đồng Phú, Bù Đăng, Phước Long và một phần huyện Lộc Ninh ngày nay. (T.G).

Sau khi ổn định tổ chức, Huyện ủy Sông Bé cử nhiều cán bộ đi xây dựng phong trào du kích trong các buôn sóc và đồn điền cao su. Nhờ đó, lực lượng tự vệ buôn sóc được thành lập và tổ chức thành từng tiểu đội với các loại vũ khí tự chế tạo như cung tên, nỏ ná, hầm chông, chà gạc để bảo vệ xóm làng. Mỗi phum sóc đều có hàng rào chiến đấu góp phần cản bước các trận càn quét của quân thù.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một còn chỉ thị cho các huyện ủy gấp rút khôi phục các đoàn thể cứu quốc như Mặt trận Việt Minh, Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ. Đồng thời, điều động một số cán bộ trong Tỉnh bộ Việt Minh làm công tác xây dựng các đoàn thể ở trên khắp các địa bàn Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp.

Ngày 1 tháng 10 năm 1947, theo sắc lệnh số 91/SL, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập. Ủy ban gồm có: Huỳnh Minh Chương làm chủ tịch; Võ Văn Đợi, Phó chủ tịch; Trần Khắc Cần, Tổng thư ký; Nguyễn Văn Tiết, Ủy viên chính trị; Trần Minh Phương, Ủy viên kinh tế tài chính; Huỳnh Văn Bộ, Ủy viên xã hội.

Trong năm 1947, Công đoàn Nam Bộ đã phát hành tờ báo “Cảm tử”, bí mật gửi đến các đồn điền cao su nhằm tuyên truyền, động viên, bồi dưỡng các cơ sở cách mạng của công nhân ngay trong lòng địch. Nhờ những tài liệu này, niềm tin vào sức mạnh của công cuộc kháng chiến trong cán bộ, chiến sĩ được nâng lên một bước.

Ngoài bộ máy quân sự, bộ máy chính quyền các cấp cũng được tăng cường, phát triển khá nhanh. Đến cuối năm 1947, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một lần lượt hình thành các ngành mới như Ty Giáo dục với Ban Bình dân học vụ làm

công tác xóa mù chữ cho nhân dân; Ty Y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh, phổ biến là điều trị vết thương cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân; Ty Giao thông liên lạc làm nhiệm vụ giao liên đầu mối của các căn cứ kháng chiến; Ty văn hóa kháng chiến phục vụ văn hóa văn nghệ kháng chiến trong các căn cứ, các làng kháng chiến.

Việc mở rộng và đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng dân quân rộng rãi trên cơ sở các đoàn thể của mặt trận, xây dựng các đội du kích xã, xây dựng làng xã chiến đấu, bảo vệ nguồn dự trữ của ta, đánh phá cơ sở dự trữ của địch cũng được Xứ ủy nhấn mạnh trong Hội nghị tháng 11 năm 1947. Từ tháng 9 năm 1947, Phòng Dân quân Nam Bộ được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng phòng. Chấp hành sự chỉ đạo của Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một và Ủy ban kháng chiến tỉnh Thủ Dầu Một thành lập Tỉnh đội Bộ dân quân do đồng chí Nguyễn Văn Tiết làm Tỉnh đội trưởng, Nguyễn Như Phong, Nguyễn Văn Kiệp, và đồng chí Trịnh làm Tỉnh đội phó; đã cử nhiều cán bộ đi xây dựng phong trào du kích trong các buôn, sóc và đồn điền cao su. Nhờ vậy, đội dân quân ở các xã được thành lập và phát triển rộng rãi, ấp xã chiến đấu được xây dựng khắp nơi, hầu khắp các xã đều có tiểu đội du kích. Trong các thị trấn, thị xã, xí nghiệp, đồn điền cao su có tổ chức du kích mật hoạt động, lực lượng tự vệ buôn sóc được thành lập và tổ chức thành từng tiểu đội với các loại vũ khí tự chế tạo như cung tên, hầm chông, chà gạc để bảo vệ xóm làng. Mỗi phum sóc đều có hàng rào chiến đấu góp phần cản bước các đợt càn quét của địch. Tại đồn điền cao

su Phước Hòa, ta xây dựng được một đội du kích có 3 súng và một số tạc đạn. Đội du kích này đã tổ chức nhiều tổ phá hoại và thực hiện phá hoại hàng chục hécta cao su, gây thiệt hại đáng kể cho bọn tư bản Pháp.

Từ đầu năm 1948, phong trào công nhân đồng loạt bỏ đồn điền về xây dựng làng xã ở vùng căn cứ kháng chiến diễn ra mạnh mẽ. Ở các xã vùng đồng bào dân tộc như Lý Lịch, Bù Cháp, Bù Tôn, làng chiến đấu được xây dựng vững chắc kết hợp rào, chông với vũ khí là cung tên, dáo chiến đấu, tổ chức các trung đội du kích luyện tập quân sự, tăng gia sản xuất. Thanh niên các dân tộc xung phong tòng quân giết giặc ngày càng đông. Cùng với việc xây dựng các làng xã chiến đấu, phong trào dân quân tỉnh Thủ Dầu Một đã phát triển nhanh chóng, tạo thành phong trào quần chúng sôi nổi. Lực lượng dân quân ở cơ sở gồm dân quân tự vệ và dân quân du kích. Dân quân được trang bị súng, lựu đạn, mã tấu và được luyện tập thường xuyên.

Do được tổ chức và huấn luyện chu đáo, đến cuối năm 1947 khắp các địa phương đã xây dựng được nhiều đội dân quân mạnh chống lại chính sách "bình định" của địch ở Nam Bộ. Hội nghị đại biểu Xứ Đảng bộ tháng 12-1947 chủ trương: "Phải triệt để phá hoại giao thông địch, sông ngòi làm cho quân địch cơ động khó khăn, làm cho quân địch hễ đánh vào ta là đánh vào chỗ trống. Giữ quyền chủ động, triệt để áp dụng chiến lược, chiến thuật du kích" ¹.

1. Trần Văn Giàu (chủ biên): *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 100.

Phong trào xây dựng xã chiến đấu được phát động, tạo điều kiện cho du kích và dân quân bám trụ làng xã đánh địch. Ở khu vực Hớn Quản, Bù Đốp trong năm 1947 nổi bật nhất trong phong trào dân quân là đội du kích xã Tân Khai (Hớn Quản). Với hai tiểu đội được trang bị 3 khẩu súng và một số mìn, tạc đạn, du kích Tân Khai kết hợp với đại đội 3 đánh địch nhiều trận. Tháng 7-1947, đoàn xe của Pháp gồm 10 chiếc đi qua ấp 4 xã Tân Khai bị du kích bất ngờ nổ súng, tiêu diệt 3 xe và 30 tên lính Pháp.

Cũng trong đầu năm 1947, hai tiểu đội của Quốc vệ đội bất ngờ tổ chức đánh vào bốt của tên Mosk ở cầu Xa Mát (Nha Bích) có 10 tên lính gác. Ta tổ chức tấn công bằng hai mũi: mũi của đồng chí Năm Kính ở Chơn Thành xuống, mũi của đồng chí Chín Chánh ở Nha Bích ra, cùng ập vào chiếm gọn bốt. Trong trận này, ta đốt bốt, bắt gọn 10 tên và thu 10 cây súng.

Đặc biệt đại đội 3 (Chi đội 1) hai lần chống càn tại xã An Tây, thu thắng lợi lớn làm nức lòng quân dân địa phương. Tháng 6 và tháng 8 năm 1947 cũng tại vùng này, đại đội 3 diệt 2 đại đội địch. Cả hai trận đều thu được nhiều vũ khí, trong đó có nhiều súng máy.

Để đối phó với phong trào phá hoại trong các đồn điền cao su, thực dân Pháp tăng thêm quân, cho đóng nhiều tua, bốt để cô lập, chia cắt vùng này với vùng khác. Chúng tổ chức lính luân phiên canh gác và thường xuyên tổ chức tuần tiễu, lùng sục trong các vườn cây và làng cao su. Ngoài ra, chúng còn cho gài mạng lưới mật báo, chỉ điểm vào hàng ngũ công nhân. Vì thế, vào cuối năm 1947 do một sơ suất của một cán bộ ta trong khi đi lại, một tài liệu

mật gồm danh sách cơ sở công an quận Hớn Quản bị rơi vào tay địch. Từ đó, nắm được đầu mối tên chủ sở Đờ Lalăng đã chủ trương và trực tiếp chỉ đạo một cuộc truy lùng và tàn sát đẫm máu. Tại chợ Lộc Ninh hàng trăm người yêu nước, cơ sở cách mạng đã bị giặc bắt bắn tại chỗ. Trong số những người bị bắt có đồng chí Ba Đền, Đậu, Ty, Ngân, Nhuận, Cầu, Kỳ. Đây là những cán bộ cách mạng cốt cán của ta. Ngày 21 tháng 12 năm 1947, đồng chí Ba Đền bị xử tại sân chợ. Đồng chí Ty bị đưa về Quản Lợi cho cạo xé xác. Còn các đồng chí Đậu, Ngân, Cầu, Kỳ, Nhuận bị chặt đầu tại giếng nước Lộc Ninh, xác bỏ xuống giếng, đầu mang lên dốc chợ trước văn phòng Sở cảnh sát, đóng cọc treo lên hòng uy hiếp tinh thần của quân chúng. Những hành động man rợ của thực dân Pháp càng làm bùng cháy lên ngọn lửa đấu tranh của các tầng lớp nhân dân.

Mặt trận kinh tế chiến, giao thông chiến được đẩy mạnh khắp nơi, đánh mạnh vào vận tải tiếp tế của địch. Tư lệnh Khu 7 chỉ đạo mở hàng loạt trận phục kích dọc đường giao thông, đánh vào các đoàn xe quân sự, phá hoại những đoạn đường bộ, đường sắt mà địch thường qua lại. Các đường giao thông huyết mạch: đường sắt từ Sài Gòn lên Lộc Ninh, đường 13 cũng từ Sài Gòn lên Lộc Ninh chạy qua Campuchia, qua Lào đều bị ta đánh phá. Đối với đường sắt, nhân dân gõ tà vẹt, tháo ốc vít đem từng đoạn đường ray về rèn cuốc, dao, rựa phá được đường sắt thì việc vận chuyển của địch tiếp tế cho đồn điền và chở mủ cao su về Sài Gòn đem xuất khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn.

Ở các làng, xã dân quân đã đào hào, đắp mô, cắm chông, gài lựu đạn, mìn trên các đường lộ lớn nhỏ, làm cản